

Số: 05/CBTT-DVW

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2021

V/v: Công bố thông tin Báo cáo
thường niên năm 2020 của DVW



CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 1- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.**
- 2- Trụ sở chính: Số 52 Cách mạng tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- 3- Điện thoại: (0251) 3941679 Fax: (0251) 3840797
- 4- Email: dvxcdn@yahoo.com.vn Website: www.dvxcdn.com
- 5- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Chí Nguyên Thăng**
- 6- Điện thoại (di động): 0909385874 Email: lcnthang@gmail.com
- 7- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Theo yêu cầu Khác

II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

(Đính kèm Tài liệu Báo cáo thường niên năm 2020)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/4/2021 tại Website: www.dvxcdn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Chí Nguyên Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



— 2020 —

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	6
Quá trình hình thành và phát triển	8
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
Thông tin về mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức	12
Định hướng phát triển	14
Các rủi ro	18

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	22
Tổ chức và nhân sự	24
Chính sách đối với người lao động, cán bộ công nhân viên	31
Tình hình hoạt động đầu tư	33
Tình hình tài chính	34
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu	37
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	38

3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	44
Tình hình tài chính	46
Kế hoạch phát triển trong tương lai	48
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	54

4. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	58
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty	59
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	60

5. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát tình hình hoạt động công ty năm 2020	64
Đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	67
Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	69

6. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	72
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	72
Ban kiểm soát	74
Đào tạo về quản trị Công ty	74
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	75

7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	
Báo cáo tài chính được kiểm toán	78



PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai

Tên giao dịch quốc tế: Dong Nai Water Supply Construction and Services Joint Stock Company

Tên viết tắt: DWCS

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600978879 do Sở kế hoạch tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/07/2019

Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 23.450.000.000 đồng

Địa chỉ: Số 52, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 3 941 679

Số fax: (0251) 3 840 797

Website: www.dvxdcn.com

Email: dvxcdcn@gmail.com

Mã cổ phiếu: DVW

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2008

Ngày 16/01/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được tổ chức thành công, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần có vốn góp Nhà nước (trong đó tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia là 51% và vốn cổ đông khác là 49% trên vốn điều lệ).

2013

Tháng 03/2013, Dự án nhà máy nước Hóa An (xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) với công suất 15.000 m³/ngày đêm do Công ty làm chủ đầu tư được khởi công.

2016

Từ ngày 26/08/2016, Công ty tiếp nhận vận hành và quản lý hệ thống cấp nước và khách hàng sử dụng nước của 4 phường xã Hòa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn thuộc thành phố Biên Hòa từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai theo Thông báo số 95/TB-CN ngày 31/05/2016 và Công văn số 45/CV-HĐQT ngày 21/07/2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

2018

Kể từ ngày 06/06/2018, Công ty đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ đăng ký và chính thức giao dịch trên sàn Upcom;
Ngày 23/08/2018, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do thay đổi vốn điều lệ từ 16,750 tỷ đồng thành 23,450 tỷ đồng. Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 23,450 tỷ đồng. Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 2.345.000 cổ phiếu.

2007

Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tiền thân là Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng - một đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai, chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quyết định số 3058/UBND ngày 24/09/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2011

Ngày 09/03/2011, tỷ lệ vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai giảm từ 51% xuống còn 36% theo Công văn chấp thuận số 1644/UBND -KT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2014

Tháng 06/2014, Dự án nhà máy nước Hóa An công suất 15.000 m³/ngày đêm chính thức đưa vào hoạt động.

2017

Ngày 12/10/2017, Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai trở thành công ty đại chúng theo Quyết định số 6848/UBCK-GSDC Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Ngày 29/12/2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD cho Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai với số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký là 1.675.000 cổ phiếu.

2019

Ngày 11/07/2019, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 8 do thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty: Giám đốc.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2012, 2015 và 2016 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai;
- Giấy khen đạt thành tích trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2014 và 2015 của Công đoàn Tổng Công ty Sonadezi;
- Giấy khen Công đoàn cơ sở vững mạnh năm 2015;
- Bằng khen Đơn vị tổ chức điều kiện sống và làm việc của công nhân viên chức ngành Xây dựng năm 2012 được Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam công nhận theo Quyết định ngày 24/01/2013;
- Bằng khen Tổ công đoàn xuất sắc cho 6 tổ công đoàn trực thuộc công đoàn cơ sở công ty (Quyết định số 13/QĐKT-CĐTCT ngày 15/01/2019);
- Bằng khen Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tặng giấy khen đạt thành tích tập thể lao động tiên tiến năm 2019 theo Quyết định số 69/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2019;
- Bằng khen tập thể lao động tiên tiến năm 2020 số 14-TB-HĐTĐKT ngày 12/01/2021.

Ngoài ra còn có: 10 Giấy khen đơn vị đạt thành tích tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc từ năm 2009 đến năm 2018 do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cấp theo các Quyết định khen thưởng theo từng năm của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Các hoạt động liên quan đến dịch vụ cấp nước và thi công lắp đặt hệ thống nước của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai chủ yếu tập trung hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Riêng hoạt động cung cấp nước sạch, phạm vi cấp nước hiện nay của Công ty là các phường xã phía Tây Nam thành phố Biên Hòa, bao gồm 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Xây lắp

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp;
- Lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, lắp đặt bơm;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, xây dựng và hoàn thiện các công trình cấp nước;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng.

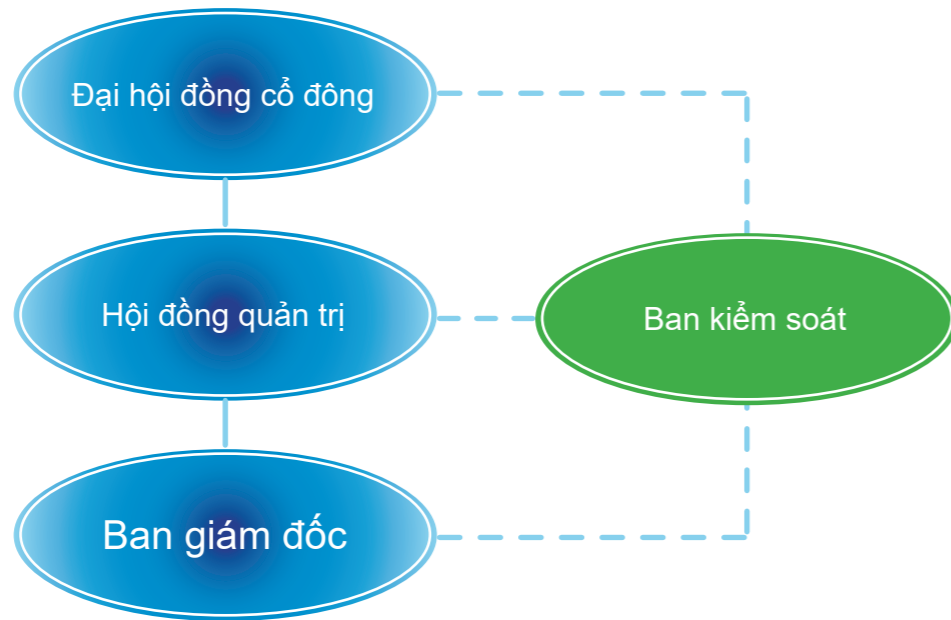
Cấp nước

- Sản xuất kinh doanh nước sạch;
- Khai thác nước và phân phối nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, và Đại hội đồng cổ đông quy định.

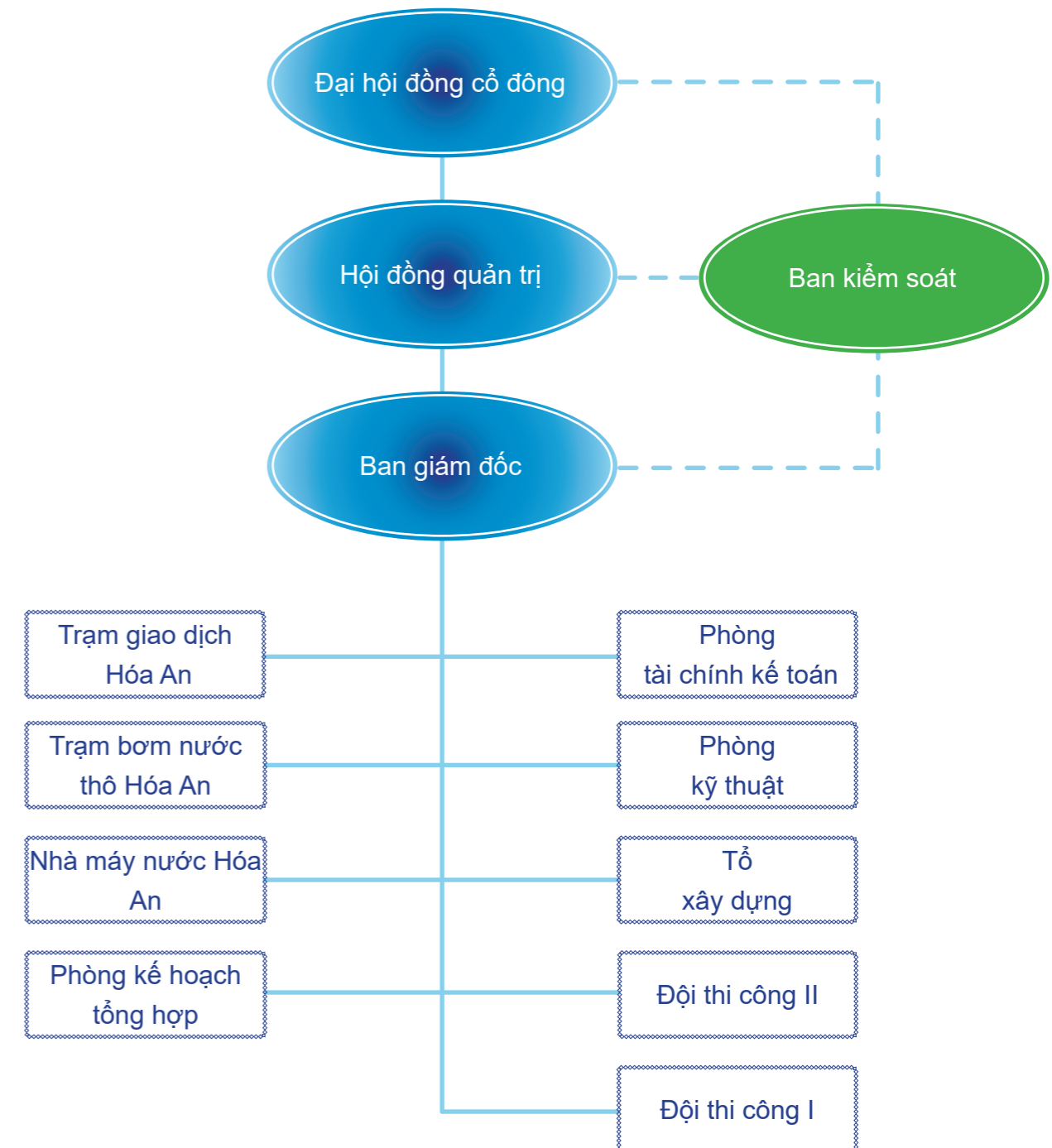
Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, Người điều hành, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông. Đồng thời, Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, các trung tâm, đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng phát triển là tiền đề cho ngành cấp nước phát triển. Do đó, mục tiêu chủ yếu của công ty là tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo với các mục tiêu cụ thể



Đảm bảo hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm, theo đúng kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức để đem đến lợi ích tốt nhất cho cổ đông và người lao động



Phấn đấu mở rộng phạm vi cung cấp nước và phát triển hệ thống khách hàng. Duy trì ổn định hoạt động sản xuất, đồng thời kiểm soát tốt chi phí nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Hội đồng quản trị đề ra



Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận, tăng thêm cổ tức cho cổ đông



Điều chỉnh và hoàn thiện những chính sách phúc lợi phù hợp giúp nâng cao đời sống người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của nhà nước và định hướng sự phát triển bền vững của công ty

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước để sử dụng hết công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày đêm. Duy trì ổn định sản xuất và đảm bảo cung cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước của 04 phường Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Có kế hoạch khảo sát khách hàng, khai thác khách hàng tiềm năng. Phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước;
- Thường xuyên học hỏi và tiếp thu Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các doanh nghiệp cùng ngành trong công tác thực hiện các biện pháp cấp nước an toàn và hiện đại;
- Luôn luôn cập nhật thông tin để nắm bắt cơ hội tham gia đấu thầu các dự án có liên quan đến thi công công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp hoặc các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty để đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2021.
- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất nước và quy trình vận hành của nhà máy nước Hóa An. Tăng cường công tác quản lý và các biện pháp kỹ thuật trong hoạt động sản xuất nước. Xây dựng phương án dự phòng cho hoạt động cấp nước an toàn;
- Hoàn thiện và không ngừng nâng cao trình độ: quản lý hệ thống phân phối cấp nước, hiện trạng cấp nước, quản lý nhà máy nước, chất lượng nước, quản lý ghi thu, quản lý khách hàng, quản lý vật tư thiết bị, quản lý nguồn nhân lực...;
- Tập trung thực hiện triệt để và đồng bộ các giải pháp phòng chống thất thoát nước, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch và lộ trình từng bước cho mục tiêu giảm thất thoát. Học tập kinh nghiệm chống thất thoát từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các doanh nghiệp cùng ngành;
- Thực hiện đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ sản xuất... theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt, sử dụng nguồn từ quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Cân đối các nguồn lực tài chính để trả nợ vay và tái đầu tư sản xuất;
- Lên kế hoạch và triển khai phương án cải tạo nhà máy nước hiện hữu, nâng công suất nhà máy nước từ 15.000 m³/ngày đêm lên thành 30.000 m³/ngày đêm để đáp ứng đủ nhu cầu cấp nước cho hệ thống khách hàng trong tương lai.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bên cạnh các mục tiêu phát triển vì lợi ích Công ty thì trách nhiệm bảo vệ môi trường là mục tiêu giúp cho sự phát triển của Công ty bền vững và tiến bộ hơn. Theo đó, để duy trì nguồn nguyên liệu đầu vào đảm bảo đáp ứng yêu cầu khách hàng, việc chung tay cùng cộng đồng bảo vệ nguồn nước, môi trường là nhiệm vụ hàng đầu



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

- Kinh tế năm 2020 trên thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung chịu hậu quả rất lớn từ đại dịch Covid – 19. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực của ngành y tế và sự hợp tác của nhân dân với Chính phủ mà tính đến cuối năm 2020, nền kinh tế đã phục hồi với nhiều tín hiệu khả quan. Trong đó, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tỉnh Đồng Nai đạt hầu hết các chỉ tiêu quan trọng về kinh tế nên tăng trưởng kinh tế của tỉnh vẫn giữ mức cao hơn nhiều so với những tỉnh thành lân cận. Đây là kết quả đáng mừng đối với các doanh nghiệp trong khu vực đồng thời cũng là tín hiệu tốt cho hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai;
- Các yếu tố của kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng quá lớn đến hoạt động cấp nước của Công ty do nước là sản phẩm thiết yếu nhưng lại tác động trực tiếp đến hoạt động xây lắp của Công ty. Do đó, Công ty không vì thế mà chủ quan, xem thường các yếu tố rủi ro kinh tế.

RỦI RO GIÁ CẢ

Đặc thù ngành cấp nước là ngành dịch vụ công ích, thuộc sự kiểm soát của nhà nước. Do vậy giá bán nước cung cấp cho khu dân cư và khu công nghiệp chịu sự điều chỉnh bởi khung giá nước do nhà nước ban hành. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi chi phí nguyên vật liệu đầu vào và khả năng tái tạo nguồn nguyên liệu để sản xuất. Để hạn chế tác động đến lợi nhuận, Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai ngày một cải thiện chính sách nhằm kiểm soát tốt chi phí nhân công, chi phí vận hành và đặc biệt ưu tiên vấn đề giảm thiểu tỷ lệ nước thất thoát.

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Nguồn nước của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai cung cấp buộc phải là nguồn nước sạch và an toàn vì sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt đô thị và công nghiệp. Công ty gặp khá nhiều khó khăn trong việc duy trì nguồn nguyên liệu sạch vì nguồn nước lấy chủ yếu từ sông Đồng Nai, chịu nhiều tác động từ yếu tố khí hậu, ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng chất thải do các nơi khác đổ về. Theo đó, để đảm bảo nguồn nước luôn đầy đủ và an toàn thì công ty đã khai thác có chọn lọc và vận dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao hệ thống vận hành, định kỳ kiểm tra và thay thế đường ống thoát nước hư, cũ.

RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC

- Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại xấp xỉ 17,75%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn;
- Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện nhanh chóng, còn đối với các điểm rò rỉ ngầm dưới lòng đất khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Nếu Công ty không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước thất thoát càng tăng lên, ảnh hưởng đến khối lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng;
- Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đô thị cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc thất thoát nước. Trong quá trình thi công cải tạo, xây dựng mới các

RỦI RO PHÁP LUẬT

- Công ty Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai hoạt động tại Việt nam với đặc thù là công ty cổ phần trong lĩnh vực cấp nước và xây lắp nên những hoạt động của công ty đều chịu sự quản lý và chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Tài nguyên, Luật Bảo vệ môi trường,...và các quy định về an toàn chất lượng nguồn nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong giai đoạn bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện để phù hợp với tình hình thực tại nhằm đem lại lợi ích cho cả doanh nghiệp và người dân.
- Vì vậy, để hạn chế rủi ro về pháp luật, Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi trong quy định pháp luật để điều chỉnh hệ thống quy định nội bộ phù hợp.

tuyến đường làm bể các hệ thống đường ống hiện hữu gây thất thoát nước;

- Tỷ lệ thất thoát nước qua đồng hồ khách hàng còn cao. Các đồng hồ lâu năm (trên 5 năm) chưa được thay thế toàn bộ, do Công ty còn đang thực hiện từng bước theo lộ trình. Công tác ghi thu và công tác kiểm tra cần phải chấn chỉnh và tăng cường mạnh mẽ hơn nữa;
- Việc quản lý hệ thống phân phối nước và quản lý khách hàng còn ở mức giản đơn, chưa áp dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý khách hàng cũng phần nào ảnh hưởng đến tỷ lệ thất thoát nước.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro kể trên, cũng có những trường hợp khó lường trước như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, chính trị... Mặc dù những rủi ro này ít xảy ra nhưng công ty vẫn chủ động phòng tránh trước để đảm bảo an toàn cho con người và tài sản Công ty





PHẦN 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tổ chức và nhân sự

Chính sách đối với người lao động, cán bộ công nhân viên

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Năm 2020, nền kinh tế suy giảm do ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid – 19 nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn. Mặc dù doanh thu giảm (23,46% tương đương 15,01 tỷ) nhưng Công ty luôn nắm bắt kịp thời tình hình thực tế, áp dụng hợp lý các chính sách quản trị và định hướng kinh doanh, nên vẫn đem lại lợi nhuận dương, cụ thể:

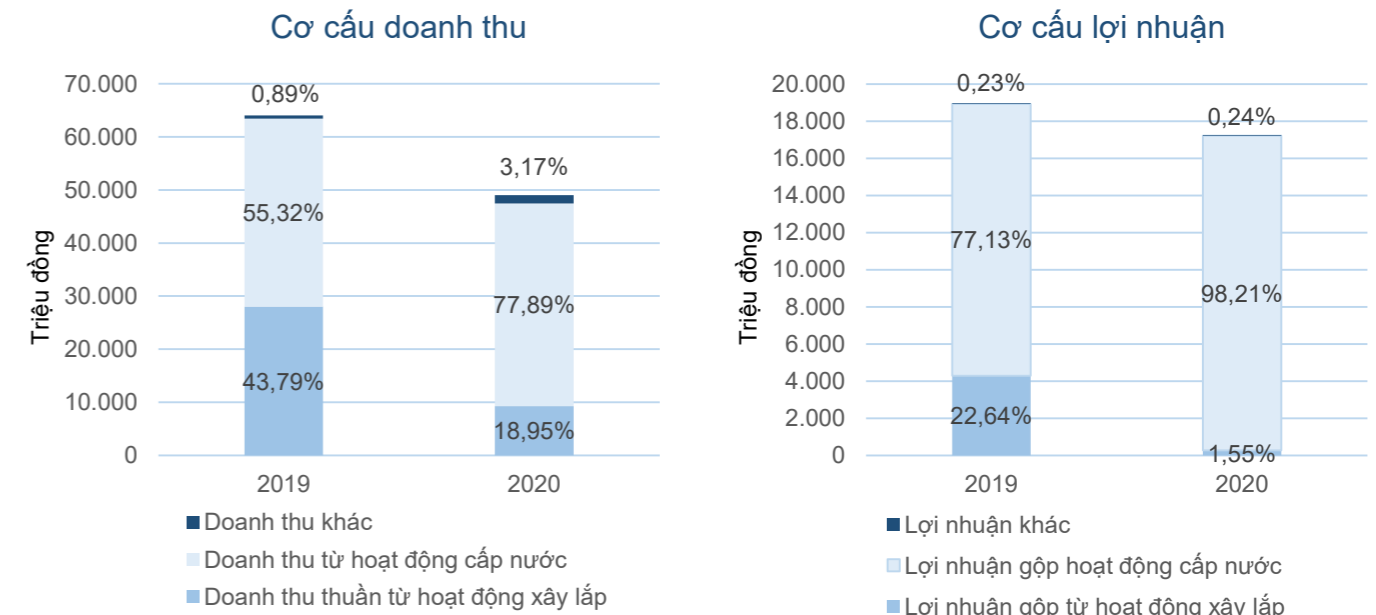
Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĂM 2019	Kế hoạch NĂM 2020	Thực hiện NĂM 2020	Thực hiện 2020 % so KH	Thực hiện 2020 % so CK
Sản lượng:						
- Sản xuất nước sạch	m3	5.119.832	5.184.242	5.540.599	106,87%	108,22%
- Sản xuất nước thô	m3	358.268	228.866	254.120	111,03%	70,93%
- Tiêu thụ nước sạch	m3	4.197.206	4.277.000	4.557.313	106,55%	108,58%
- Tiêu thụ nước thô	m3	346.972	222.000	246.952	111,24%	71,17%
Tỷ lệ thất thoát bình quân						
- Nước sạch	%	18,02%	17,5%	17,75%	0,25%	-0,27%
- Nước thô	%	3,15%	3,0%	2,82%	-0,18%	-0,33%
Tổng doanh thu	đồng	64.018.005.704	41.650.000.000	48.998.718.759	117,64%	76,54%
Tổng chi phí	đồng	56.106.890.374	36.550.000.000	42.846.619.786	117,23%	76,37%
Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	7.911.115.330	5.100.000.000	6.152.098.973	120,63%	77,77%
Tổng lợi nhuận sau thuế	đồng	6.725.450.077	4.410.000.000	5.617.101.451	127,37%	83,52%

CƠ CẤU DOANH THU

Khoản mục	2019		2020	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp	28.035.706.195	43,79%	9.283.831.151	18,95%
Doanh thu từ hoạt động cấp nước	35.412.342.550	55,32%	38.163.268.100	77,89%
Doanh thu khác	569.956.959	0,89%	1.551.619.508	3,17%
Tổng cộng	64.018.005.704	100,00%	48.998.718.759	100,00%

CƠ CẤU LỢI NHUẬN

Khoản mục	2019		2020	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp	4.293.856.764	22,64%	268.231.426	1,55%
Lợi nhuận gộp hoạt động cấp nước	14.630.710.309	77,13%	16.945.546.343	98,21%
Lợi nhuận khác	43.576.889	0,23%	40.933.396	0,24%
Tổng cộng	18.968.143.962	100,00%	17.254.711.165	100,00%



Hoạt động xây lắp

Từ khi Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco) tự thực hiện các công tác lắp đặt, sửa chữa hệ thống cấp nước thì doanh thu từ hoạt động xây lắp, lĩnh vực chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai giảm mạnh, cụ thể chỉ đạt 33,11% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, cơ cấu doanh thu có sự thay đổi rõ rệt, tỷ trọng của hoạt động này giảm từ 43,79% xuống chỉ còn 18,95% và lợi nhuận gộp cũng chỉ chiếm 1,55% trên tổng lợi nhuận của Công ty.

Hoạt động cấp nước

Doanh thu từ hoạt động cấp nước tăng nhẹ 2,75 tỷ, chiếm tỷ trọng 77,89% trong cơ cấu doanh thu một phần là nhờ sản lượng cung cấp nước đến 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn ngày càng tăng do nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân tăng, đem lại doanh thu ổn định cho Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng nỗ lực giảm thiểu tỷ lệ thất thoát nước nên lợi nhuận gộp của hoạt động này tăng đáng kể 15,82% tương đương 2,31 tỷ.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trong năm qua của Công ty có sự thay đổi lớn nhưng nhờ có Hội đồng quản trị và Ban điều hành đề ra định hướng đúng đắn nên Công ty vẫn mang về lợi nhuận và duy trì lợi ích cho cổ đông.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại DVW	
			Cá nhân	Đại diện
Hội đồng quản trị				
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Thành viên không điều hành		22%
Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên	Thành viên không điều hành	4,28%	-
Trần Chiến Thắng	Thành viên	Thành viên điều hành	5,96%	-
Ban giám đốc				
Phạm Ngọc Tú	Giám đốc	Thành viên điều hành	1,33%	-
Trần Chiến Thắng	Phó giám đốc	Thành viên điều hành	5,96%	-
Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	Thành viên điều hành	1,00%	-
Ban kiểm soát				
Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	Chuyên trách	0%	-
Đặng Thị Thắm	Thành viên	Không chuyên trách	0%	14%
Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	Không chuyên trách	0%	-

SƠ YẾU LÝ LỊCH

NGUYỄN ANH TUẤN – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/05/1967
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Cử nhân Kinh tế Kỹ sư ngành cấp thoát nước Cử nhân Luật

Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1986 đến tháng 08/1988	Công ty xây dựng Lọc hóa Dầu Long Thành – Đồng Nai
Từ tháng 09/1988 đến tháng 04/1989	Công ty Dừa Long Thành thuộc Liên hiệp Dầu thực vật Đồng Nai
Từ tháng 05/1989 đến tháng 10/1989	Công ty Xây lắp 1 Đồng Nai
Từ tháng 11/1989 đến tháng 03/1990	Công ty Khoan Cấp nước Đồng Nai
Từ tháng 04/1990 đến tháng 11/1991	Xí nghiệp nước Biên Hòa – Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
Từ tháng 12/1991 đến tháng 09/1997	Phòng Kinh doanh - Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
Từ tháng 10/1997 đến tháng 04/2008	Xí nghiệp nước Nhơn Trạch - Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
Từ tháng 04/2008 đến tháng 04/2012	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch - Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
Từ tháng 04/2012 đến tháng 04/2018	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch - Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai
Từ tháng 04/2018 đến tháng 04/2020	Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh - Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai
Từ tháng 04/2020 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
Số cổ phiếu nắm giữ	515.900 cổ phần, chiếm 22% vốn điều lệ

ĐẶNG NGUYỄN THANH AN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/6/1996
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	
Từ tháng 09/2018 đến 05/2019	Công ty TNHH Trúc Minh
Từ tháng 7/2019 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Nhân viên Phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng cấp nước Đồng Nai

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Số cổ phiếu nắm giữ	100.450 cổ phần, chiếm 4,28 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	100.450 cổ phần, chiếm 4,28 % vốn điều lệ

PHẠM NGỌC TÚ – GIÁM ĐỐC

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/10/1984
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
+ Từ 08/2006 đến 08/2007	+ Công ty TNHH ViRan
+ Từ 09/2007 đến 08/2009	+ Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước (Waseco)
+ Từ 09/2009 đến nay	+ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	+ Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Số cổ phiếu nắm giữ	31.124 cổ phần, chiếm 1,33 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	31.124 cổ phần, chiếm 1,33 % vốn điều lệ

TRẦN CHIẾN THẮNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - PHÓ GIÁM ĐỐC

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/5/1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cấp thoát nước
Quá trình công tác:	
+ Từ 01/2002 đến 02/2008	+ Xí nghiệp Thiết kế Xây Dựng Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
+ Từ 03/2008 đến nay	+ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	+ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Số cổ phiếu nắm giữ	139.664 cổ phần, chiếm 5,96 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	139.664 cổ phần, chiếm 5,96 % vốn điều lệ

LÊ CHÍ NGUYÊN THẮNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	16/5/1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản lý kinh tế; Cử nhân kế toán, kiểm toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 01/1999 đến 10/2004	+ Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
+ Từ 11/2004 đến 02/2008	+ Xí nghiệp Thiết kế Xây Dựng Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
+ Từ 03/2008 đến nay	+ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	+ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Số cổ phiếu nắm giữ	23.336 cổ phần, chiếm 1,00% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	23.336 cổ phần, chiếm 1,00% vốn điều lệ

ĐỖ THỊ THÚY HẰNG – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	12/5/1965
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 07/1990 đến 04/2016	+ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai

SƠ YẾU LÝ LỊCH

+ Từ 05/2016 đến nay	+ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

NGÔ THỊ ĐÀI TRANG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	20/09/1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 7/2000 đến nay	+ Công ty TNHH Thương Mại N.T.P
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

ĐẶNG THỊ THẨM – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	14/07/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 02/1995 đến nay	+ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai
Số cổ phiếu nắm giữ	328.300 cổ phần, chiếm 14 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	328.300 cổ phần, chiếm 14% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHỮNG THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27/04/2018	20/04/2020
2	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	20/04/2020	
3	Đặng Trọng Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	27/04/2018	20/04/2020
4	Trần Chiến Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị	27/04/2018	
5	Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên Hội đồng quản trị	20/04/2020	

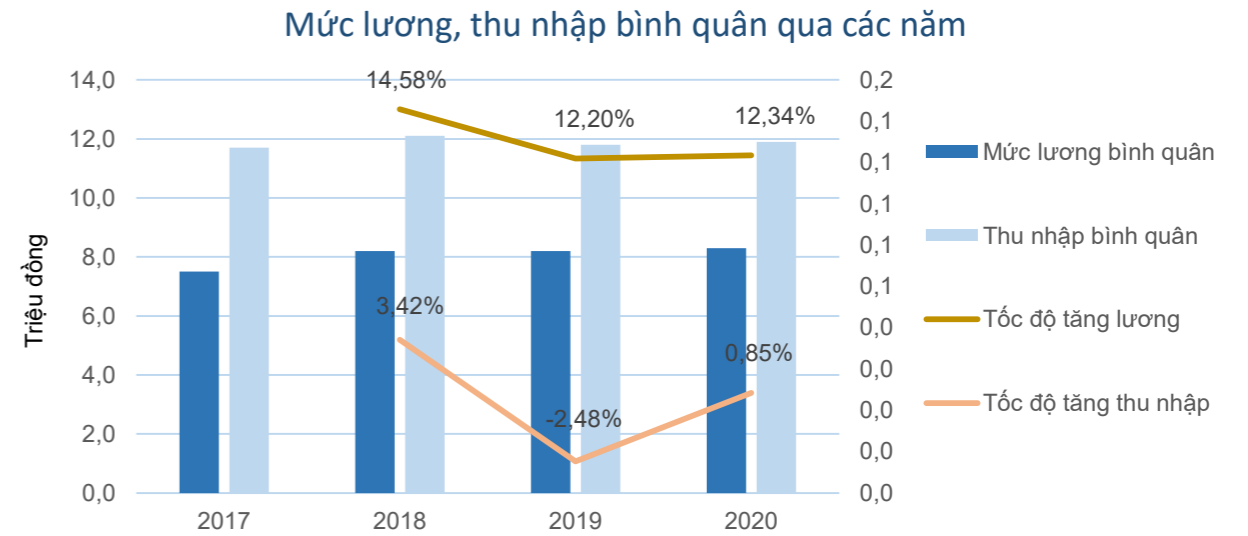
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tình hình nhân sự của Công ty tính đến ngày 31/12/2020 có tổng cộng 108 người, cụ thể:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	108	100%
1	Trên Đại học	2	1,85%
2	Đại học	42	38,89%
3	Cao đẳng, Trung cấp	17	15,74%
4	Khác	47	43,52%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	108	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	1	0,93%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	107	99,07%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

STT	Năm	Mức lương bình quân	Thu nhập bình quân
1	2017	7.500.000	11.700.000
2	2018	8.200.000	12.100.000
3	2019	8.200.000	11.800.000
4	2020	8.300.000	11.900.000



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Hàng năm Ban Giám đốc Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tiến hành Đại hội Đại biểu công nhân viên chức – lao động, ký kết Thỏa ước Lao động tập thể. Qua Đại hội công nhân viên chức – lao động, Công ty báo cáo công khai kết quả sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các điều khoản trong Thỏa ước Lao động tập thể năm trước và nội dung của Thỏa ước Lao động tập thể năm sau để công nhân viên chức – lao động tham gia đóng góp ý kiến xây dựng quy chế và bầu người đại diện cho người lao động tham gia đối thoại.



Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với cán bộ, công nhân viên

- Công ty đã áp dụng điều chỉnh lại mức lương cho cán bộ, công nhân viên theo quy định Nghị định số 90/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, chi trả lương sản phẩm không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo Nhà nước quy định;
- Chi trả tiền lương đúng kỳ hạn và giải quyết tiền thưởng, Lễ, Tết cho cán bộ, công nhân viên. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm đánh giá, khen thưởng theo phân loại A,B,C. Cuối năm khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt thành tích và danh hiệu trong phong trào thi đua năm 2020;
- Trích nộp BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Mua bảo hiểm tai nạn cho tất cả cán bộ, công nhân viên.;
- Tổ chức xét nâng lương cho cán bộ công nhân viên chức - lao động theo quy chế của Công ty hàng năm. Trong năm 2020 thực hiện xét nâng bậc, nâng lương cho tổng cộng 45 người;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2020 cho tất cả cán bộ công nhân viên chức - lao động với tổng số tiền: 58.845.000 đồng;
- Giải quyết kinh phí cho cán bộ, công nhân viên đi học nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn;
- Chi tiền ăn trưa 30.000đ/người/ngày;
- Trợ cấp khó khăn và thăm hỏi cán bộ, công nhân viên khi khó khăn và ốm đau, hiếu hỷ;
- Thăm hỏi đoàn viên Công đoàn và gia đình khi ốm đau, giải quyết trợ cấp đột xuất cho bản thân và gia đình công nhân viên chức - lao động thật sự khó khăn;
- Trang bị đầy đủ quần áo, đồng phục cho cán bộ, công nhân viên và dụng cụ phục vụ lao động sản xuất. Trang bị Bảo hộ lao động và trang bị đồng phục cho cán bộ công nhân viên chức - lao động Công ty năm 2020: 371.525.000 đồng;
- Chi quỹ phúc lợi trực tiếp cho công nhân viên chức - lao động tự túc đi nghỉ mát theo chế độ với tổng số tiền là: 550.000.000 đồng;
- Chi tặng quà nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, nhân dịp ngày thành lập Hội Phụ nữ Việt Nam 20/10. Tổ chức tặng quà nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, ngày Tết Trung thu và động viên khen thưởng con CB.CNV có thành tích trong học tập;

Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước, lãnh đạo Công ty còn quan tâm chăm lo thêm một số chính sách để động viên người lao động như: chế độ nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương, trợ cấp về hưu, trợ cấp khó khăn đột xuất.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Để thực hiện tốt mục tiêu và chiến lược phát triển bền vững của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty đã lập phương án và kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000 m³/ngày đêm lên 30.000 m³/ngày đêm. Thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật và các công việc cần thiết của dự án cải tạo, bao gồm:

- Nâng công suất trạm bơm nước thô từ 15.000 m³/ngày đêm lên thành 30.000 m³/ngày đêm.
- Nâng công suất tuyến ống truyền tải nước thô từ 15.000 m³/ngày đêm lên thành 30.000 m³/ngày đêm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	48,37	53,52
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	51,63	46,48
	Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	%	55,27	53,82
	Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	44,7	46,18
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	55,27	53,82
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	44,73	46,18
	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	80,93	85,80
3	Chỉ tiêu thanh khoản			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,73	1,88
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,44	1,81
4	Chỉ tiêu hoạt động			
	Hệ số vòng quay tổng tài sản	lần	0,62	0,77
	Hiệu quả sử dụng tài sản cố định	lần	1,33	1,52
	Hệ số bảo toàn vốn	lần	1,03	1,07
5	Tỷ suất sinh lợi			
	Tỉ suất LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	7,35	8,21
	Tỉ suất LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,48	15,79
	Tỉ suất LNST / Doanh thu thuần (ROS)	%	11,84	10,60

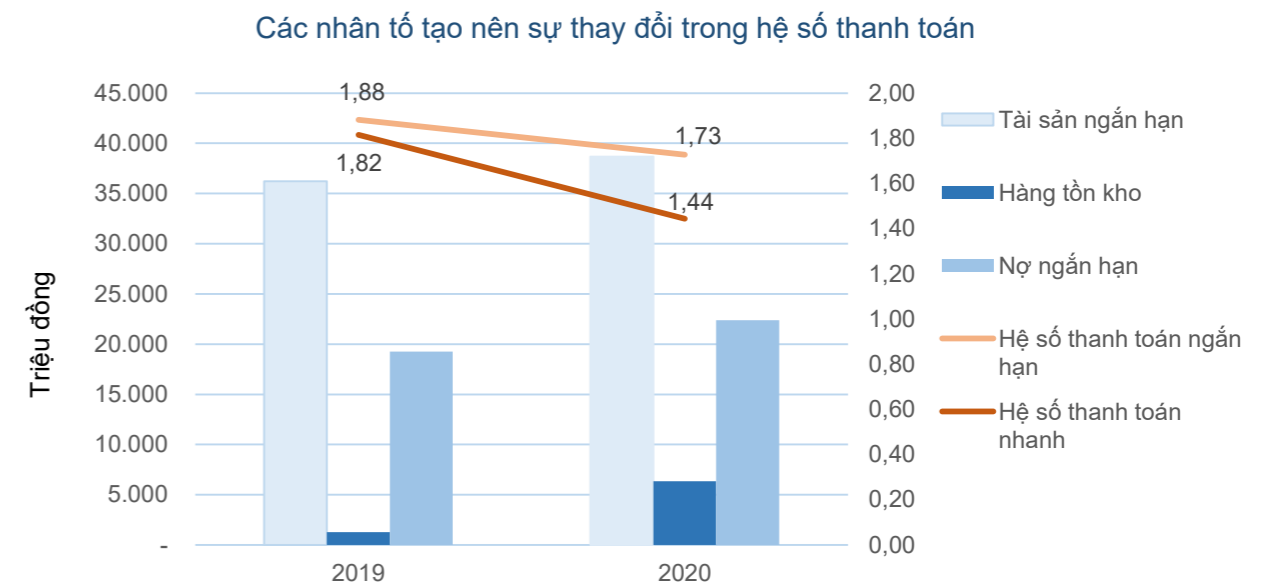
- Cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2020 có thay đổi so với năm 2019: tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản tăng lên và hệ số Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giảm xuống, cho thấy tình hình tài chính Công ty được cải thiện theo hướng tích cực.
- Chỉ tiêu cân nợ tương đối cao (Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn = 44,73%) nhưng tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ của Công ty vẫn trong tầm kiểm soát. Trong năm, Công ty đã tính toán, cân đối các nguồn để thanh toán các khoản nợ vay, đảm bảo sản xuất kinh doanh và an toàn tài chính.
- Các khoản phải thu ngắn hạn đã giảm đáng kể, Công ty đã thu hồi được các khoản nợ tiền nước, lắp đặt, các khoản công nợ tồn đọng từ năm trước. Tuy nhiên, nợ phải trả ngắn hạn tăng (mua vật tư, nguyên liệu, tiền lương...) nên chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty giảm sút.
- Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động của Công ty, tỷ suất sinh lời (ROA, ROE) cũng giảm so với năm 2019. Nguyên nhân do lợi nhuận thực hiện chỉ bằng 77,7% năm 2019. (Sản lượng xây lắp nhận được từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giảm mạnh, theo

đó doanh thu xây lắp chỉ bằng 33% của năm 2019).

- Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2020 vẫn tương đối tốt: tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu tăng 1,6%, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần tăng 1,7% so với năm 2019. Tỷ suất Lợi nhuận /Doanh thu tăng nhờ doanh nghiệp phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, cố gắng ổn định sản xuất và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.



CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN



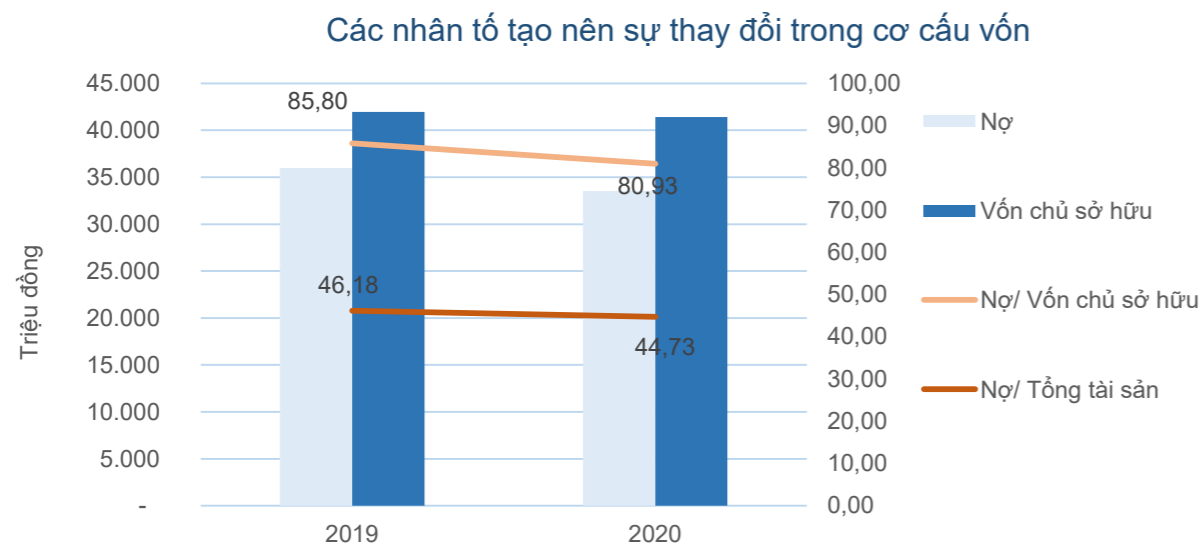
- Hoạt động xây lắp của Công ty trước đây chủ yếu là các hợp đồng từ Công ty mẹ Dowaco. Tuy nhiên, từ năm 2019 Dowaco thay đổi chủ trương hoạt động, công tác sửa chữa và lắp đặt đường ống đều do Công ty mẹ tự làm nên hoạt động xây lắp của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai giảm mạnh. Theo đó, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm (46% tương đương 4,67 tỷ). Ngoài ra, Công ty ký quỹ bảo lãnh và tạm ứng công trình nên khoản phải thu ngắn hạn khác tăng lên gấp 30 lần (tương đương 3,27 tỷ); đồng thời chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng nên hàng tồn kho của Công ty cũng tăng mạnh (400% tương đương 5,1 tỷ) cho thấy các hợp đồng xây lắp và cung cấp dịch vụ khác Công ty chưa hoàn thành tất toán. Những biến động từ các khoản mục trên là lí do chính của việc tài sản ngắn hạn tăng nhẹ (6,79% tương đương 2,5 tỷ).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

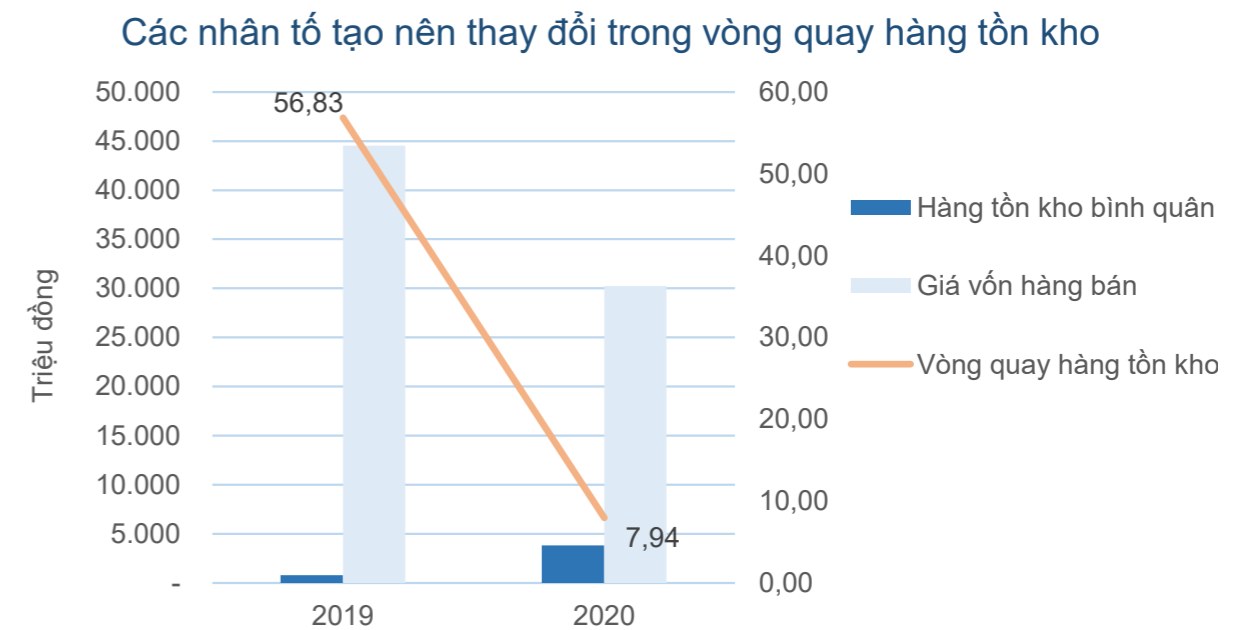
- Bên cạnh đó, Công ty mua các nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư thêm các giải pháp, công nghệ trong việc xử lý nước sạch từ những nhà cung cấp có uy tín như Công ty cổ phần Hawaco miền Nam, Công ty cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiền Phong miền Nam,...nên khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng mạnh (260% tương đương 2,1 tỷ). Song song đó, Công ty được khách hàng thanh toán trước ngắn hạn tăng (417% tương đương 2,5 tỷ) và khoản phải trả người lao động tăng (32% tương đương 1 tỷ) do trích dự phòng quỹ tiền lương. Theo đó, nợ ngắn hạn của Công ty trong năm tăng tương đối (16% tương đương 3,1 tỷ)
- Nhìn chung, tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều tăng nhưng do phần trăm tăng của nợ ngắn hạn cao hơn, đồng thời phần trăm tăng của hàng tồn kho quá lớn nên cả hai hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều giảm. Tuy nhiên, các hệ số này vẫn duy trì lớn hơn 01 cho thấy khả năng thanh toán nợ của Công ty vẫn tốt.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

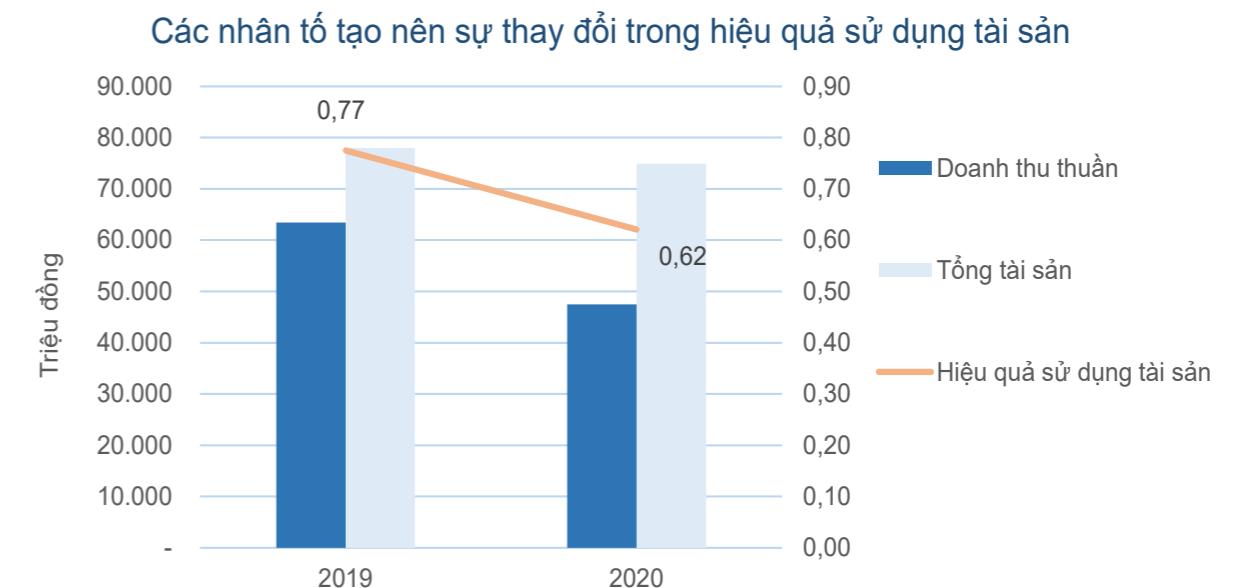
Cơ cấu nợ năm 2020 của Công ty giảm nhẹ so với năm 2019, trong đó tổng nợ chiếm 44,73% trên tổng tài sản và 80,93% trên vốn chủ sở hữu. Năm 2020, nợ phải trả giảm 2,5 tỷ so với năm 2019 do Công ty đã thanh toán một phần khoản vay dài hạn cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai. Công ty giảm vay nợ và sử dụng vốn tự có phục vụ hoạt động kinh doanh, nhằm giảm chi phí lãi vay cho Công ty.



CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



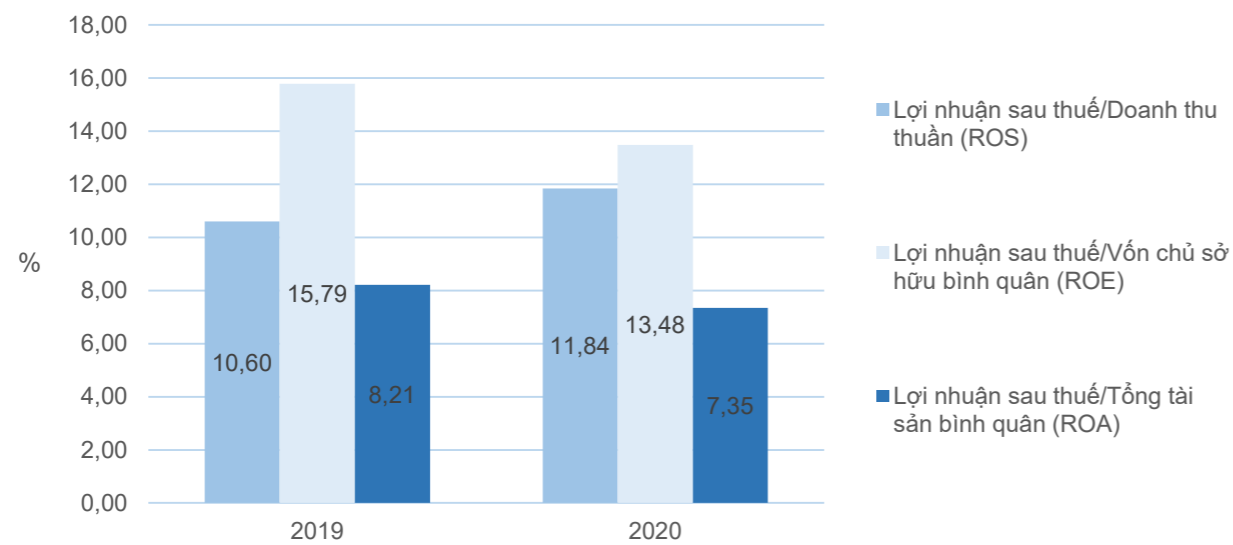
- Vòng quay hàng tồn kho giảm đáng kể trong năm 2020 (giảm từ 56,83 xuống 7,94) do hàng tồn kho tăng mạnh và giá vốn hàng bán cũng giảm (-32,1% tương đương 14,3 tỷ). Hàng tồn kho tăng chủ yếu là do chi phí xây dựng dở dang tăng cao. Tuy nhiên Công ty đang trong quá trình chuyển hướng kinh doanh chính qua mảng cấp nước nên có nhiều thay đổi, sau khi tất toán được khoản chi phí dở dang chỉ số vòng quay hàng tồn kho sẽ có cải thiện tích cực.
- Bên cạnh đó, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty hai năm gần đây chưa tốt. Tổng tài sản giảm nhẹ (-4% tương đương 3 tỷ) nhưng doanh thu giảm mạnh chủ yếu do hoạt động xây lắp có sự thay đổi, Công ty chuyển hướng tập trung mảng cấp nước. Do đó, hệ số này giảm nhẹ (từ 0,77 xuống còn 0,62) và nhỏ hơn 01.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2020, các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lợi của Công ty có biến động nhưng vẫn tương đối tốt so với các năm trước. Tuy nhiên, do đặc thù ngành nghề nên chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của Công ty không quá cao.

Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong khả năng sinh lời



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tính đến ngày 31/12/2020)

CỔ PHẦN

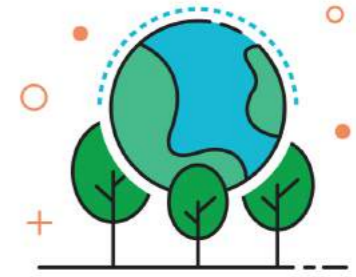
- Mã cổ phiếu: DVW
- Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng
- Số cổ phần đang lưu hành: 2.345.000 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	537.803	5.378.026.752	22,93%
II	Cổ đông nội bộ	419.174	4.191.740.000	17,88%
III	Cổ đông trong nước	2.345.000	23.450.000.000	100,00%
1	Cá nhân	1.252.135	12.521.350.000	53,40%
2	Tổ chức	1.092.865	10.928.650.000	46,60%
IV	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%
1	Cá nhân	0	0	0,00%
2	Tổ chức	0	0	0,00%
Tổng cộng		2.345.000	23.450.000.000	100,00%



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



Ngoài ra, nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của công ty nên cần thực hiện những biện pháp để quản lý chất lượng nước như nghiêm ngặt trong quy trình lắng, lọc và diệt khuẩn trước khi cung cấp nguồn nước sạch đến người tiêu dùng. Định kỳ kiểm tra chất lượng nước hàng tháng bởi các cơ quan có thẩm quyền nhằm đảm bảo chất lượng nước thành phẩm của công ty luôn đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế. Đặc biệt, công ty chủ trương thực hiện đúng các quy định về khai thác, xử lý xả thải, bảo vệ môi trường,.. không để xảy ra bất kì trường hợp vi phạm nào.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Hoạt động trong lĩnh vực cấp nước ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người, hơn ai hết, Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai hiểu rõ nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn hoạt động cũng là nâng cao nhu cầu sử dụng nước, đem lại doanh thu lợi nhuận cho công ty. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng bằng cách tham gia công tác xã hội, từ thiện, đóng góp quỹ: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ học giỏi – sống tốt, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt,...

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

- Với đặc thù ngành là cấp nước, Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai ý thức được mọi hoạt động của công ty đều có ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường. Do đó, công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả và có thể tái chế, tái sử dụng được; thực hiện công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản nguyên liệu, hóa chất xử lý nước,...giúp giảm thiểu rủi ro có thể gây ra ô nhiễm với môi trường.
- Bên cạnh đó, nguồn năng lượng sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động của công ty là điện năng dùng để vận hành hệ thống xử lý nước, các trạm bơm và hoạt động tại các văn phòng công ty. Việc tiêu thụ năng lượng điện có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất, công ty luôn chú ý để có thể sử dụng tiết kiệm và hợp lý các nguồn năng lượng, góp phần mang lại lợi ích cho công ty và thực hiện đúng trách nhiệm bảo vệ môi trường.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty phối hợp cùng với Công đoàn cơ sở, hàng năm tổ chức Đại hội Đại biểu Công nhân Viên chức – Lao động, ký kết Thỏa ước Lao động tập thể để báo cáo công khai kết quả sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các điều khoản đã nêu trong thỏa ước năm nay và lập nội dung cho thỏa ước năm sau. Theo đó, Công nhân Viên chức – Lao động được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng quy chế và bầu người đại diện cho người lao động tham gia đối thoại. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với Cán bộ - Công nhân viên thông qua:

- Chi trả tiền lương đúng kỳ hạn và giải quyết tiền thưởng Lễ, Tết;
- Nộp đầy đủ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động;
- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm đánh giá, khen thưởng theo phân loại A, B, C. Cuối năm khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt thành tích và danh hiệu trong phong trào thi đua năm 2020;
- Tổ chức xét nâng lương cho Công nhân Viên chức – Lao động. Tạo điều kiện, giải quyết kinh phí cho Cán bộ - Công nhân viên đi học bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn;
- Tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Trợ cấp khó khăn và thăm hỏi Công nhân Viên chức – Lao động khi khó khăn và ốm đau, hiếu hỷ;
- Tổ chức cho Công nhân Viên chức – Lao động gnhir dưỡng, phục hồi sức khỏe theo chế độ;
- Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước, công ty còn thực hiện thêm một số chính sách để động viên người lao động như: chế độ nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương, trợ cấp về hưu, trợ cấp khó khăn đột xuất,...



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO HIỂM LAO ĐỘNG

- Ban giám đốc triển khai thực hiện “Tuần lễ Quốc gia an toàn Vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ” thường niên;
- Tổ chức, kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần công tác an toàn Vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ tại các đơn vị trực thuộc;
- Tham dự các khóa học về an toàn do Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai tổ chức;
- Bằng mọi hình thức, tuyên truyền giáo dục cho Công nhân Viên chức – Lao động nhận thức được sự cần thiết khi bảo đảm an toàn trong sản xuất, phải phổ biến và huấn luyện những hiểu biết về an toàn Vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ để người lao động biết tự bảo vệ mình và mọi người;
- Giáo dục ý thức lao động có kỷ luật, bảo đảm các nguyên tắc an toàn, thực hiện nghiêm chỉnh tiêu chuẩn, qui định, nội qui an toàn, chống làm bừa, làm ẩu;
- Kết hợp Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy triển khai phương án Phòng cháy chữa cháy tại cơ sở làm việc và nhà máy sản xuất nước, tổ chức lực lượng Phòng cháy chữa cháy tại chỗ với 25 Cán bộ - Công nhân viên tham gia tập huấn;
- Triển khai phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp” đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường
và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả kinh doanh của Công ty không tăng trưởng như các năm trước đây, tuy nhiên để hoàn thành chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm, Ban lãnh đạo cùng toàn thể Công ty đã không ngừng nỗ lực và đạt được kết quả sau:

- Doanh thu xây lắp đạt 154,7% kế hoạch năm, bằng 33,11% so với cùng kỳ;
- Doanh thu tiền nước đạt 107,5% kế hoạch năm, đạt 107,7% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 120,63% kế hoạch năm, bằng 77,7% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 127,37% kế hoạch năm, bằng 83,5% so với cùng kỳ;
- Nộp Ngân sách đạt 208% so với kế hoạch năm, bằng 81,9% so với cùng kỳ;
- Tỷ lệ chia cổ tức: dự kiến 12%/vốn điều lệ.



ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

Thuận lợi

- Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai có hơn 10 năm kinh nghiệm trong hoạt động xây lắp và đây cũng là hoạt động chính cũng như thế mạnh của Công ty; đồng thời Công ty nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng Công ty Sonadezi, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, các Sở, ban, ngành và cơ quan trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho kết quả kinh doanh tốt đẹp;
- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch rất có triển vọng vì đây là sản phẩm thiết yếu đi cùng với tốc độ tăng trưởng dân số, nhu cầu nước sạch trên địa bàn 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn ngày càng cao;
- Nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, có tâm huyết và luôn đoàn kết, nỗ lực trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh.



Khó khăn

- Tình hình đại dịch Covid – 19 là khó khăn chung trong năm 2020 và như các nền kinh tế khác trên thế giới, kinh tế Việt Nam không thể tránh khỏi suy giảm. Theo đó, hoạt động xây lắp các công trình đường ống vốn là thế mạnh của Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác tìm kiếm và đấu thầu các dự án mới. Nguyên nhân là do từ năm 2019 Dowaco chuyển sang hình thức tự làm, hạn chế sử dụng dịch vụ thuê ngoài cho công tác lắp đặt hệ thống cấp nước. Điều này làm sản lượng lắp đặt nhận được từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai năm 2020 tiếp tục giảm mạnh do doanh thu lắp đặt của Công ty phụ thuộc nhiều vào Dowaco.
- Tỷ lệ thất thoát nước luôn là khó khăn lớn nhất đối với các công ty hoạt động trong ngành cấp nước. Mặc dù Công ty luôn nỗ lực triển khai nhiều biện pháp khắc phục tình trạng này nhưng đây vẫn là một trong những nỗi lo của Ban lãnh đạo cũng như các cổ đông của Công ty.
- Mức độ ô nhiễm môi trường trong nhiều năm qua ngày càng tăng mức báo động và không ngoại trừ ô nhiễm môi trường nước. Vì nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu đến từ sông Đồng Nai – nguồn nước khó tránh khỏi các tác động xấu từ những khu công nghiệp nên các công nghệ lọc, khử trùng phải luôn được bảo trì và kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo nguồn nước sạch đến khách hàng. Do đó, chi phí tăng nhưng Công ty không thể chủ động trong điều chỉnh giá bán khiến cho việc ổn định và tăng trưởng lợi nhuận cũng là một khó khăn trong tình hình kinh tế hiện tại.

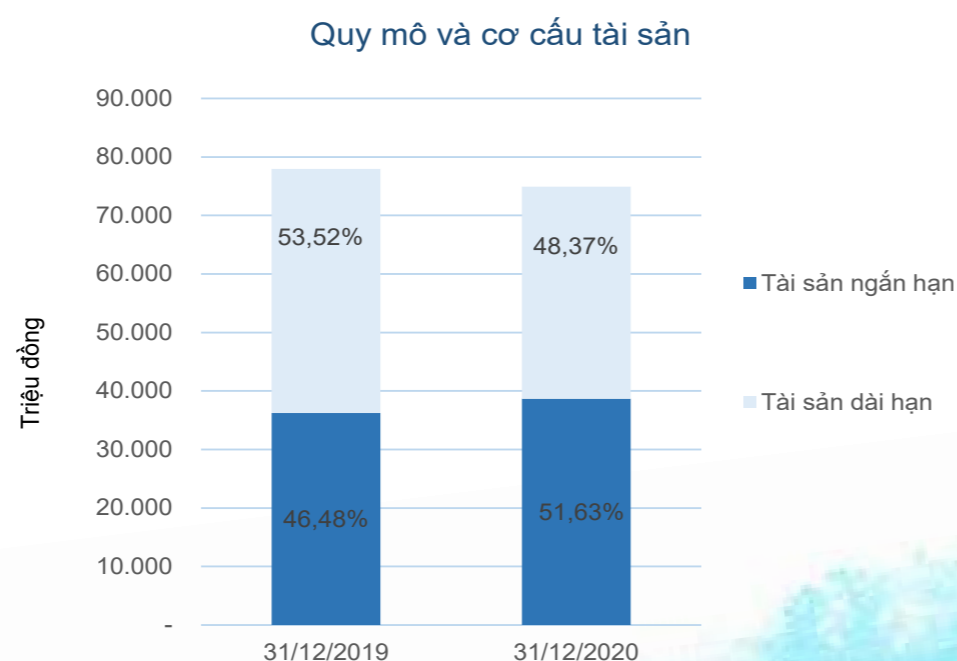
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	NĂM 2019	NĂM 2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	36.225.103.645	38.685.655.491
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.905.024.110	6.596.443.260
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.300.000.000	16.600.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	10.492.844.218	8.936.584.949
4. Hàng tồn kho	1.270.232.457	6.346.535.185
5. Tài sản ngắn hạn khác	257.002.860	206.092.097
TÀI SẢN DÀI HẠN	41.715.343.504	36.241.959.180
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	615.992.000
2. Tài sản cố định	41.715.343.504	35.623.967.180
3. Tài sản dở dang dài hạn	-	2.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	77.940.447.149	74.927.614.671

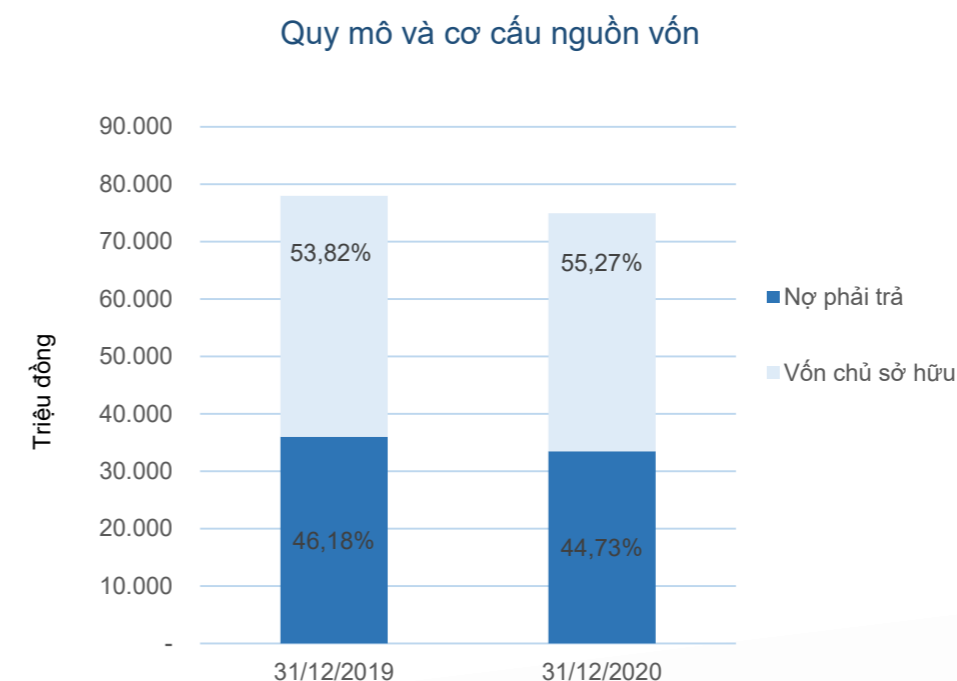
Tổng tài sản Công ty năm 2020 giảm khoảng 3 tỷ đồng so với năm 2019 nguyên nhân chính là do tài sản dài hạn giảm (-13% tương đương 5,5 tỷ). Cơ cấu tài sản cũng vì vậy mà thay đổi, tuy nhiên không đáng kể.



TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: đồng

NGUỒN VỐN	NĂM 2019	NĂM 2020
NỢ PHẢI TRẢ	35.991.201.124	33.514.993.708
1. Nợ ngắn hạn	19.250.084.280	22.398.876.864
2. Nợ dài hạn	16.741.116.844	11.116.116.844
VỐN CHỦ SỞ HỮU	41.949.246.025	41.412.620.963
1. Vốn chủ sở hữu	41.949.246.025	41.412.620.963
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	77.940.447.149	74.927.614.671



Nhìn chung, nguồn vốn năm 2020 giảm. Nguyên nhân là do Công ty đã thay đổi chính sách quản lý, giảm được khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn, nhằm hạn chế các chi phí lãi vay làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng		
	Sản xuất nước sạch	m ³	5.706.817
	Sản xuất nước thô	m ³	254.120
	Tiêu thụ nước sạch	m ³	4.707.704
	Tiêu thụ nước thô	m ³	246.950
2	Tỷ lệ thất thoát		
	Nước sạch	%	17,51%
	Nước thô	%	2,82%
3	Tổng Doanh thu		48.409.300.000
	Doanh thu sản xuất nước sạch	đồng	38.165.225.000
	Doanh thu sản xuất nước thô	đồng	1.111.275.000
	Doanh thu xây lắp	đồng	8.000.000.000
	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	852.800.000
	Thu nhập khác	đồng	280.000.000
4	Tổng chi phí	đồng	41.781.000.000
	Trong đó:		
	Giá vốn hoạt động sản xuất nước	đồng	21.836.700.000
	Giá vốn hoạt động lắp đặt	đồng	7.600.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.628.300.000
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu		13,69%
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	700.000.000
8	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.928.300.000
9	Lợi nhuận chia cổ tức	đồng	3.517.500.000
10	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	%	15%/VDL
11	Đầu tư xây dựng cơ bản	đồng	3.000.000.000
12	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	6.500.000.000
13	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000
14	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	28,26%
15	Tổng số lao động	Người	108
16	Tổng quỹ lương	đồng	15.100.000.000
17	Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	11.700.000

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh

Công tác thi công lắp đặt đường ống

- Sau một năm kinh tế suy giảm, gần về cuối năm 2020, nền kinh tế đã có nhiều dấu hiệu phục hồi đáng mừng. Theo đó, khu công nghiệp và đô thị bước vào giai đoạn ổn định và phát triển trở lại, cũng là giai đoạn Công ty phải chủ động tìm kiếm các dự án, chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu tham gia đấu thầu nhằm phát triển thế mạnh của Công ty một cách triệt để và đem lại kết quả tốt;
- Đề cao an toàn lao động và chất lượng kỹ thuật; áp dụng kỹ thuật công nghệ vào quy trình thi công nhằm nâng cao hiệu quả dịch vụ lắp đặt;
- Định kỳ thống kê các định mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu; quản lý vật tư, thiết bị, công cụ lao động của từng công trình thi công để kiểm soát chặt chẽ hơn các loại chi phí của Công ty;
- Phối hợp và hỗ trợ chính quyền địa phương tại nơi xây dựng và thi công lắp đặt các công trình cấp nước nhằm thực hiện quy trình lắp đặt chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo nhanh gọn nhất và triển khai đồng bộ, tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng cũng như Công ty.

Công tác sản xuất và cung cấp nước

- Hiện nay, Nhà nước đã có các chính sách nhằm xã hội hóa đầu tư nước sạch. Cụ thể là cho phép các công ty tư nhân tham gia đấu thầu và đầu tư nhà máy nước tại các khu vực trên địa bàn cả nước; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đang cung cấp nước tại đô thị mở rộng mạng lưới để phục vụ nông thôn, phát triển mạng lưới liên tỉnh để cấp nước nếu thuận lợi về nguồn cấp, trạm cấp, mạng lưới phân phối nguồn nước. Do đó, Công ty phải kịp thời nắm bắt cơ hội để mở rộng mạng lưới khách hàng đến các tỉnh lân cận, tăng trưởng lợi nhuận, đạt kết quả đề ra;
- Hệ thống ống dẫn phải súc xả, bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo không bị nhiễm tạp chất nguy hiểm. Học hỏi kinh nghiệm từ những công ty đầu ngành và nghiên cứu thêm về việc xây dựng kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước sạch theo quy định;
- Xây dựng phương án dự phòng cho hoạt động cấp nước an toàn của nhà máy nước Hóa An, song song đó Công ty phải có kế hoạch cụ thể theo trình tự đầu tư xây dựng cơ bản để triển khai các bước chuẩn bị cho dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước hiện hữu;
- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất của nhà máy xử lý nước Hóa An: quản lý nguồn nguyên

liệu đầu vào; duy trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; quản lý chất lượng nước. Thực hiện các quy định về khai thác tài nguyên, xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường...;

- Xây dựng phương án hạ tỷ lệ thất thoát nước máy theo lộ trình từng bước, từng giai đoạn cho năm kế hoạch 2021.

Công tác ghi thu

- Cải tiến công tác ghi thu, công tác kiểm ghi, kiểm thu; phát huy hiệu quả việc ghi chỉ số nước bằng Smartphone. Quản lý công tác ghi thu theo quy trình ghi thu tiền nước đã ban hành và thực hiện;
- Định kỳ kiểm tra và thay mới đồng hồ đo lưu lượng nước, minh bạch trong công tác ghi chỉ số tiêu thụ nhằm đảm bảo lợi ích khách hàng và giữ vững uy tín Công ty;
- Phát triển, mở rộng các kênh nhờ thu (qua ngân hàng, bưu điện, dịch vụ thanh toán điện tử...), các hình thức thu tiền nước không dùng tiền mặt, tạo thuận tiện cho khách hàng trong việc thanh toán tiền nước; hoàn thiện hình thức hóa đơn điện tử;
- Tổ chức kiểm tra đột xuất công tác ghi, thu của các bộ phận liên quan, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những trường hợp tiêu cực. Hoàn thiện nghiệp vụ giao dịch giao dịch khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.



Giải pháp về tiết kiệm chi phí sản xuất

- Lập kế hoạch về sử dụng chi phí, tính toán trước mọi chi phí cho sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch; xây dựng ý thức cho cán bộ công nhân viên trong Công ty về việc tiết kiệm chi phí để đạt được mục tiêu kinh doanh Hội đồng quản trị đã đề ra;
- Không ngừng hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động trong doanh nghiệp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất;
- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, chi phí sử dụng điện trong qui trình sản xuất nước tại nhà máy và trong công tác thi công lắp đặt;
- Xây dựng lịch bơm cụ thể phù hợp với từng khu vực để tiết kiệm điện năng sử dụng cho máy bơm. Bên cạnh đó, tiến hành bảo trì và thay thế các máy bơm và các thiết bị điện có công suất tiêu thụ điện hợp lý, hao tổn ít điện năng; Lắp đặt tụ bù và các thiết bị chống sét đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị;
- Tích cực thực hiện các biện pháp phòng, chống thất thoát nước. Tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục và hạn chế tỷ lệ thất thoát;
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa đường ống, xử lý ống bể, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng kịp thời các sự cố ống bể;
- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi phí sản xuất. Khuyến khích, khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị có thành tích hoặc sáng kiến trong lao động sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm.

Giải pháp về quản trị kinh doanh

- Ban lãnh đạo Công ty tăng cường chỉ đạo, giám sát mảng hoạt động xây lắp và hoạt động sản xuất, cung cấp nước; kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài sản cố định, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, chính sách đối với người lao động, công tác quản trị doanh nghiệp...;
- Tăng cường công tác giám sát hoạt động và việc thực hiện các Quy chế về quản trị nội bộ, tài chính, tiền lương, tiền thưởng; Quy chế làm việc của các Phòng ban chức

- năng, đơn vị trực thuộc trong Công ty;
- Thực hiện các nghĩa vụ của công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông, các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Cập nhật các quy định, quy chế về công bố thông tin và tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định.



Giải pháp về tài chính

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí, tài sản;
- Lập các phương án tài chính an toàn và ổn định, đảm bảo cơ cấu nguồn vốn đáp ứng kịp thời cho các nhu cầu phát sinh trong năm. Tập trung tích lũy vốn để gia tăng tiềm lực tài chính. Lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trong phạm vi cấp nước của Công ty;
- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn, phân vùng cải tạo theo địa bàn khách hàng, vay vốn với lãi suất hỗ trợ cho các dự án.

Giải pháp về nguồn nhân lực

- Phân công, bố trí lực lượng lao động đúng với khả năng, trách nhiệm của từng cá nhân, làm tăng năng suất lao động, tránh để nguồn nhân lực dư thừa, lãng phí;
- Lập các quy trình, yêu cầu tuyển dụng phù hợp với từng phòng ban, bộ phận, giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nhân sự đột ngột;
- Đánh giá chi tiết năng lực cán bộ quản lý và nhân viên, tinh giảm bộ máy điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao;
- Thường xuyên cải thiện công tác đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ quản lý và người lao động để phù hợp với công nghệ kỹ thuật mới;
- Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, Công ty có chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên, đặc biệt đối với người có năng lực. Đồng thời có cơ chế linh hoạt làm động lực cho cán bộ công nhân viên rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.



Giải pháp về công nghệ

- Thường xuyên nâng cao trình độ xây lắp đường ống, hệ thống cấp nước, quản lý thông tin khách hàng,... và một số các công tác liên quan bằng công nghệ thông tin và các ứng dụng kỹ thuật;
- Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý, áp dụng phần mềm vào các công tác quản lý để theo kịp xu thế thị trường.

Giải pháp về thị trường

- Không ngừng phát triển chất lượng dịch vụ, sản phẩm phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng; duy trì ổn định hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng, khẳng định uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường;
- Xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển khách hàng, gia tăng thị trường, mở rộng mạng lưới cấp nước.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm của tổ chức trong năm 2020:

- Nguyên vật liệu chính sản xuất nước: 631.661.962 đồng. Bao gồm:
 - Phèn: 75.750 kg
 - Vôi: 18.550 kg
 - Clor: 5.704 kg
 - Hóa chất: 24.940.000 đồng

- Vật tư thi công lắp đặt hệ thống nước: 9.296.416.451 đồng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp năm 2020:

- Điện năng trực tiếp sản xuất: 1.424.603 KW (giá trị 2.994.661.259 đồng);
- Điện năng gián tiếp: 68.268 KW (giá trị 138.518.843 đồng)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng năm 2020:

- Sản lượng sản xuất (nước sạch): 5.540.599 m³
- Sản lượng bơm ra lưới: 5.299.599 m³
- Sản lượng tiêu thụ: 4.557.313 m³
- Nước dùng cho sản xuất của nhà máy (nước xả thải, súc xả, bơm rửa...): 241.000 m³

Nhìn chung, Công ty rất xem trọng yếu tố môi trường trong quá trình sản xuất, luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường thông qua công tác:

- Kiểm tra chất lượng nước, bảo quản nguyên liệu, hóa chất xử lý nước, bảo vệ nguồn nước...;
- Đồng thời kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất (từ hệ thống bơm nước thô đến hệ thống xử lý, hệ thống phân phối chuyển tải..) để giảm thiểu những rủi ro có thể gây ra ô nhiễm đối với môi trường và xã hội;
- Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nhằm có những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước tại khu vực khai thác và tại khu xử lý;
- Hệ thống công nghệ xử lý được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của thiết bị, máy móc ở mức tốt nhất để ổn định sản lượng nước sản xuất và bơm ra lưới;
- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quy định. Định kỳ hàng tháng, gửi mẫu nước đi xét nghiệm tại Trung tâm đo lường kiểm định chất lượng 3 để kiểm tra chất lượng nước theo các chỉ tiêu lý, hóa và vi sinh. Chất lượng nước thành phẩm của Công ty luôn đạt các tiêu chuẩn của Bộ y tế;
- Thực hiện đúng các qui định về khai thác,

xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường...Chú trọng các biện pháp nhằm hạn chế gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất nước và hoạt động thi công xây lắp. Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường;

- Thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, phí xử lý nước thải, rác thải đúng quy định;
- Năng lượng chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và phân phối nước sạch là điện. Việc tiêu thụ năng lượng điện có tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất. Vì vậy, khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Công ty có phương án sử dụng tiết kiệm và hợp lý các nguồn năng lượng, góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước và giảm thiểu chi phí hoạt động;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2020 Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng và công tác xã hội, từ thiện, đóng góp: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ học giỏi - sống tốt, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, người nghèo...

ĐÁNH GIÁ ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai xem người lao động là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của Công ty trong nhiều năm qua. Do đó, các chính sách liên quan đến người lao động luôn được Công ty chú trọng đẩy mạnh thực hiện. Bên cạnh những quyền lợi cơ bản như chính sách lương tăng theo mức lương tối thiểu vùng, khám sức khỏe định kỳ hằng năm và bảo đảm thực

hiện thỏa ước người lao động thì Công ty còn có chính sách trợ cấp khó khăn, thăm hỏi thân nhân ốm đau. Ngoài ra, Công ty còn rất chú trọng tới việc đảm bảo an toàn lao động do vậy công tác trang bị trang phục, dụng cụ bảo hộ cho công nhân sản xuất đều được trang bị đầy đủ và định kỳ kiểm tra tại đơn vị.





PHẦN 4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng toàn thể người lao động trong Công ty đã nỗ lực thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết đã đề ra, cụ thể:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% So với KH
1	Tổng Doanh thu	đồng	41.650.000.000	48.998.718.759	117,64%
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.100.000.000	6.152.098.973	120,63%
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	4.410.000.000	5.617.101.451	127,37%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	12	12 (dự kiến)	100,00%
5	Tổng số phải nộp NSNN	đồng	3.000.000.000	6.239.772.951	207,99%

Sản lượng nước sản xuất gia tăng, đạt tiêu chuẩn chất lượng nước ăn uống sinh hoạt, đảm bảo cung cấp nước an toàn, ổn định cho các khu dân cư, các doanh nghiệp trên địa bàn công ty cung cấp và phục vụ. Thu nhập và đời sống của người lao động từng bước

được cải thiện, người lao động có việc làm, an tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Doanh thu lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ, trách nhiệm với cổ đông, nhà nước và người lao động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã có những hoạt động, công tác giám sát nhằm đảm bảo đạt được kết quả hoạt động kinh doanh Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

- Hội đồng quản trị thường xuyên nắm bắt, giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành; giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Thông qua báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động giám sát điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị đã nắm bắt và chỉ đạo kịp thời và đưa ra các giải pháp thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã đề ra;
- Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác trong Công ty họp thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng quý về công tác phát triển hệ thống cấp nước, công tác phòng chống thất thoát nước, công tác quản lý phát triển khách hàng và công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Qua đó đưa ra các giải pháp thực hiện, nâng cao hiệu quả hoạt động đảm bảo cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư, cơ quan và doanh nghiệp trên địa bàn 04 phường Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn thuộc thành phố Biên Hòa.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để Công ty duy trì và ổn định hoạt động, Hội đồng quản trị đã đề ra các kế hoạch và định hướng sau:

- Phối hợp, chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc Công ty xây dựng các giải pháp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra; Phát huy tốt vai trò và trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Thực hiện soát xét sửa đổi bổ sung và ban hành các Quy chế về quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế quản trị doanh thu - chi phí, quy chế tiền lương, tiền thưởng, quy chế đầu tư và mua sắm tài sản cố định, quy chế giao nhận thầu xây lắp và các quy chế khác có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, để làm cơ sở giám sát, đánh giá việc quản lý và điều hành hoạt động của Ban điều hành Công ty;
- Tổ chức họp giao ban Định kỳ hàng tháng, quý với Ban điều hành, Ban kiểm soát và những người quản lý khác của công ty qua đó đánh giá tình hình hoạt động sản xuất

kinh doanh và xây dựng các giải pháp, kế hoạch thực hiện có hiệu quả hơn. Thường xuyên duy trì các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất, qua đó nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, chỉ đạo, xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc phát sinh theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Tăng cường công tác giám sát các hoạt động của Công ty về giao nhận thầu xây lắp, sản xuất nước, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác phòng chống thất thoát nước, công tác cấp nước an toàn, việc sử dụng lao động và thực hiện chế độ, tiền lương, tiền thưởng, các chính sách đối với người lao động;
- Chỉ đạo Ban điều hành áp dụng các phần mềm công nghệ ứng dụng cho sản xuất, cho quản lý và điều hành Công ty; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp; thực hiện cung cấp và công bố thông tin theo quy định;
- Phát huy sức mạnh đoàn kết, sáng tạo của tập thể cán bộ công nhân viên và người lao động, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021; Duy trì ổn định và phát triển mạnh sản xuất, tăng doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo cung cấp nước đầy đủ, an toàn, ổn định cho các khu dân cư trên địa bàn Công ty phục vụ; Phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra.



A background image featuring a water droplet falling into a pool of water, creating concentric ripples. The scene is captured in a high-speed, slow-motion style, with the droplet suspended in mid-air above the ripples. The color palette is predominantly blue and white, with a thick, curved white and blue graphic element on the left side of the page.

PHẦN 5 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát tình hình hoạt động Công ty năm 2020

Đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị

và Ban giám đốc

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2020

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Công tác lắp đặt đường ống

- Lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo các bảng chiết tính công tác lắp đặt nhận từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, các công trình lắp đặt hệ thống nước theo hợp đồng với khách hàng; BCT lắp đặt khách hàng 4 phường mà Công ty đang cung cấp nước;
- Thi công các công trình xây lắp với các đơn vị bên ngoài. Trong năm, đã hoàn thành các công trình có giá trị lớn như: tuyến ống cấp nước khu 67 ha Dự án Khu đô thị sân golf thể thao và du lịch sinh thái Long Thành tại Phước Tân, công trình tuyến ống cấp nước D150 đường vào trường tiểu học Phan Bội Châu- Phường Long Bình, tuyến ống cấp nước đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường nối Phan Đình Phùng - Cây tràm tại Phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, hệ thống cấp nước đường số 4, số 7-Khu dân cư phía Bắc Phường Thống Nhất;
- Tổng số bảng chiết tính thực hiện năm 2020 là: 3.306 BCT;
- Tổng doanh thu xây lắp năm 2020: 9.283.831.151 đồng.

Công tác sản xuất nước

- Nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày hoạt động ổn định. Chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn của Bộ y tế
- Tình hình sản xuất nước trong năm 2020 như sau:

Nhà máy xử lý nước Hoá An

- Sản lượng nước sản xuất: 5.540.599 m³
- Sản lượng nước tiêu thụ: 4.557.313 m³
- Tỉ lệ thất thoát: 17,75 %
- Doanh thu năm 2020: 37.051.984.100 đồng

Trạm bơm nước thô Hoá An

- Sản lượng nước sản xuất: 254.120 m³
- Sản lượng nước tiêu thụ: 246.952 m³
- Tỉ lệ thất thoát: 2,82 %
- Doanh thu năm 2020: 1.111.284.000 đồng

- Tình hình phát triển khách hàng trên địa bàn cấp nước (4 phường):

Tổng số khách hàng vào nước mới năm 2020: 1.001 hộ khách hàng

Tổng số đồng hồ đấu nối đến 31/12/2020: 17.932 đồng hồ



CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ BẢN, MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Trong năm 2020, mua thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tổng giá trị: 37.600.000 đồng (Bộ ghi nhận dữ liệu LS- Flow cụm đồng hồ điện từ D400 nhà máy nước Hóa An). Quý 4/2020 đã thực hiện lắp đồng hồ điện trạm bơm nước thô

cấp nước cho Công ty Pouchen và lắp đặt data logue đồng hồ D400 tại Nhà máy nước Hóa An. Việc đầu tư tài sản cố định thực hiện đúng quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

QUẢN LÝ DOANH THU VÀ NỢ PHẢI THU

Tình hình sản lượng doanh thu theo báo cáo chuẩn thu tiền nước đến 31/12 như sau

STT	Đối tượng khách hàng	NĂM 2019		NĂM 2020		Tỷ lệ tăng trưởng	
		Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)
1	Tổ chức	246	362.267	252	381.321	6	19.054
	Tỷ lệ %	1,47	8,63	1,42	8,37	2,44	5,26
2	Tư gia	16.473	3.834.939	17.461	4.175.992	988	341.053
	Tỷ lệ %	98,53	91,37	98,58	91,63	6	8,89
	Tổng cộng	16.719	4.197.206	17.713	4.557.313	994	360.107

Tình hình nợ phải thu tại ngày 31/12/2020 như sau

Khoản mục	Giá trị (đồng)	Ghi chú
Nợ phải thu ngắn hạn	9.015.587.564	
1. Phải thu tiền nước	1.091.313.752	
2. Phải thu tiền lắp đặt	4.469.427.425	Phải thu của Công ty mẹ là: 3.807.140.977
3. Phải thu ngắn hạn khác	3.454.846.387	Ký quỹ bảo lãnh công trình và tạm ứng công trình
Nợ phải thu dài hạn	2.112.496.072	Các công trình lắp đặt trên 12 tháng
Nợ phải thu khó đòi	1.704.619.447	Đã trích lập dự phòng theo quy định



KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2020

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG VÀ NHÂN SỰ

- Tổ chức, phân công lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận. Việc bố trí, sắp xếp lao động tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay;
- Tổng số CB. CNV đến thời điểm 31/12/2020 là: 108 người;
- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2020: 15.734,3 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân: 11,9 triệu đồng/người/tháng;
- Công ty quản lý lao động - tiền lương đúng quy định và chăm lo tốt đời sống cán bộ - công nhân viên. Thực hiện các nội dung về thoả ước lao động tập thể đã ký với người lao động. Thực hiện qui chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT theo đúng qui định. Thu nhập và chế độ đối với người lao động được đảm bảo, người lao động an tâm công tác.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Công ty chấp hành quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty trong việc quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích. Kế toán áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Lập biểu mẫu và mở sổ sách kế toán đúng qui định. Thực hiện đúng nghĩa vụ báo cáo thuế và nộp ngân sách. Các chỉ số tài chính nằm trong giới hạn cho phép, không có rủi ro về tài chính.



ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên hoạt động chuyên trách: 01 người giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 người giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Hội đồng quản trị chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; đề ra các chủ trương, định hướng phù hợp tình hình Công ty và nhiệm vụ được giao;
- Thông qua các báo cáo của Giám đốc Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành Công ty của Giám đốc, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, chủ động trong việc chỉ đạo điều hành, đảm bảo cho hoạt động của Công ty một cách tốt nhất;
- Hội đồng quản trị tiến hành các phiên họp định kỳ để trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan việc chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty. Thường xuyên theo dõi công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề như:

Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và các Quy chế của Công ty;

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Việc thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành có liên quan đến sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cần hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động điều hành, trao đổi thẳng thắn, chỉ ra những vấn đề cần khắc phục, phối hợp chặt chẽ, thống nhất vì mục tiêu phấn đấu hoàn thành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Ban Giám đốc gồm 03 thành viên (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng) đều thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong công việc;
- Ban Giám đốc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp: công tác thi công lắp đặt, hoạt động sản xuất của nhà máy nước; công tác đầu tư mua sắm TSCĐ; công tác quản trị doanh nghiệp; chính sách đối với người lao động..., đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông và người lao động;
- Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra, tìm các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Định kỳ hàng Quý, Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đã thực hiện trong kỳ. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, trình bày phương hướng kế hoạch trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và chỉ đạo cho các quý kế tiếp.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sát sao và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động của Công ty, tập trung thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn cố gắng phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm trước cán bộ - công nhân viên và cổ đông của Công ty; chấp hành qui định của pháp luật trong việc quản lý điều hành, không có xung đột về quyền lợi;
- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

- Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát;
- Giám sát Công ty trong việc quan hệ với cổ đông: trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại của cổ đông;
- Trong thời gian qua, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn thống nhất trên cơ sở tuân thủ các qui định pháp luật và phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty. Tuy nhiên, cần phải có sự hợp tác và đồng thuận hơn nữa giữa những người quản lý Công ty để giúp doanh nghiệp luôn ổn định và phát triển.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2021 của Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định. Phân công, phân nhiệm các thành viên trong Ban để phối hợp thực hiện nhiệm vụ năm 2021;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị, việc quản lý, sử dụng vốn tại Công ty cổ phần;
- Giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong công tác quản lý điều hành, trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; xem xét việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;
- Giám sát việc thực hiện qui chế nội bộ về quản trị Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty đại chúng;
- Xem xét các kiến nghị của Hội đồng quản trị và cổ đông (nếu có) đối với Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động doanh nghiệp. Phối hợp kiểm tra thực hiện các quy chế hoạt động của Công ty;
- Hỗ trợ bộ phận kế toán về công tác chuyên môn. Hỗ trợ các công việc liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần đại chúng, giao dịch trên sàn chứng khoán;
- Kiểm tra định kỳ sổ sách, chứng từ kế toán, các tài liệu có liên quan. Xác nhận số liệu báo cáo tài chính & kết quả kinh doanh 6 tháng và cả năm. Lập các báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Đại hội đồng cổ đông theo qui định;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát qui định tại Điều lệ Công ty, qui chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu;
- Phấn đấu nâng cao năng lực của từng thành viên trong Ban kiểm soát, khắc phục những hạn chế sai sót để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



PHẦN 6 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Đào tạo về quản trị Công ty

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Hội đồng quản trị	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch	27/04/2018	20/04/2020
2	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	20/04/2020	
3	Đặng Trọng Thành	Thành viên	27/04/2018	20/04/2020
4	Trần Chiến Thắng	Thành viên	27/04/2018	
5	Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên	20/04/2020	

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Cao Hà	2	40%	Không còn là thành viên Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Anh Tuấn	5	100%	
3	Đặng Trọng Thành	2	40%	Không còn là thành viên Hội đồng quản trị
4	Trần Chiến Thắng	7	100%	
5	Đặng Nguyễn Thanh An	5	100%	

Trong năm, Hội đồng quản trị đã đưa ra các Nghị quyết, Quyết định:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định Sáp nhập Tổ, Đội, phân xưởng sản xuất trong Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
2	02/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
3	03/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
4	04/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Quyết định v/v ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
5	01/2020/NQ-HĐQT	02/03/2020	Nghị quyết HĐQT v/v tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020	100%
6	02/2020/NQ-HĐQT	10/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v thông qua BCTC, kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020.	100%
7	03/NQ-HĐQT-DVW	20/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
8	09/2020/NQ-ĐHĐCĐ	20/04/2020	Nghị quyết HĐQT Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
9	04/NQ-HĐQT-DVW	28/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	100%
10	05/QĐ-HĐQT-DVW	28/04/2020	Quyết định v/v Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty	100%
11	05/NQ-HĐQT-DVW	29/04/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Ngày đăng ký cuối cùng chốt để trả cổ tức năm 2019	100%
12	06/NQ-HĐQT-DVW	04/05/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Phân công nhiệm vụ TVHĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023	100%
13	07/NQ -HĐQT-DVW	01/06/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	100%
14	08/NQ -HĐQT-DVW	15/07/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua kết quả SXKD và đầu tư XD CB 06 tháng đầu năm 2020. Phương hướng nhiệm vụ SXKD và đầu tư XD CB 6 tháng cuối năm 2020	100%
15	09/NQ -HĐQT-DVW	26/10/2020	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua kết quả nhiệm vụ SXKD Quý 3 năm 2020 và Phương hướng nhiệm vụ SXKD Quý 4 năm 2020	100%

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên ban kiểm soát (tại ngày 31/12/2020)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	0	0%
2	Đặng Thị Thắm	Thành viên	328.300 (đại diện)	14%
3	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	0	0%

Hoạt động giám sát của ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc liên quan đến việc thực hiện tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, quy chế quản trị và các quy định của pháp luật trong hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập số liệu, thông tin ... phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Chú trọng quan tâm đến công tác đào tạo về quản trị Công ty, đào tạo về kỹ năng lãnh đạo cho thành viên Ban Giám đốc. Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thù lao	Thưởng năm 2019
1	Hội đồng quản trị					
	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch			36.000.000	60.000.000
	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	274.080.000			
	Đặng Trọng Thành	Thành viên			28.000.000	55.000.000
	Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên			56.000.000	
	Trần Chiến Thắng	Thành viên	420.000.000	88.800.000	84.000.000	50.000.000
2	Ban kiểm soát					
	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	288.000.000	62.400.000		30.000.000
	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên			60.000.000	10.000.000
	Đặng Thị Thắm	Thành viên			60.000.000	10.000.000
3	Ban điều hành					
	Phạm Văn Hội	Giám đốc		55.200.000		25.000.000
	Phạm Ngọc Tú	Giám đốc	487.640.000	55.200.000		25.000.000
	Phan Bình	Phó Giám đốc	208.480.000	88.800.000		23.000.000
	Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	360.000.000	76.800.000		23.000.000



PHẦN 7 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Trọng Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên
Bà Đặng Thị Thẩm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Ngọc Tú	Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsmglobal/vietnam

Số: 181/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.685.655.491	36.225.103.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.596.443.260	10.905.024.110
1. Tiền	111		2.296.443.260	7.905.024.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.300.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.2	16.600.000.000	13.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.600.000.000	13.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.936.584.949	10.492.044.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	5.560.741.177	10.240.281.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		129.112.760	217.276.849
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.454.846.387	186.211.406
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(208.115.375)	(149.925.197)
IV. Hàng tồn kho	140		6.346.535.185	1.270.232.457
1. Hàng tồn kho	141	4.6	6.346.535.185	1.270.232.457
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		206.092.097	257.002.860
1. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	206.092.097	257.002.860
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.241.959.180	41.715.343.504
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		615.992.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	2.112.496.072	1.522.275.348
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.5	(1.496.504.072)	(1.522.275.348)
II. Tài sản cố định	220		35.623.967.180	41.715.343.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	35.590.505.262	41.568.759.028
Nguyên giá	222		99.805.450.415	99.767.850.415
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.214.945.153)	(58.199.091.387)
2. Tài sản cố định vô hình	227		33.461.918	146.584.476
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(306.538.082)	(193.415.524)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		74.927.614.671	77.940.447.149

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
 SỐ 52, ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG, TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
 SỐ 52, ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG, TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.514.993.708	35.991.201.124
I. Nợ ngắn hạn	310		22.398.876.864	19.250.084.280
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	2.886.051.170	802.754.716
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	3.142.685.805	608.182.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	474.856.219	589.056.343
4. Phải trả người lao động	314	4.11	4.191.598.551	3.180.035.332
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		730.331.982	3.067.317.065
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	5.625.000.000	5.625.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	5.348.353.137	5.377.738.624
II. Nợ dài hạn	330		11.116.116.844	16.741.116.844
1. Phải trả người bán dài hạn	331		84.866.844	84.866.844
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		250.000.000	250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	10.781.250.000	16.406.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.412.620.963	41.949.246.025
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	41.412.620.963	41.949.246.025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.450.000.000	23.450.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	23.450.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.510.500	31.510.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.14.5	7.340.165.441	6.331.347.929
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.590.945.022	12.136.387.596
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.973.843.571	5.410.937.519
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.617.101.451	6.725.450.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		74.927.614.671	77.940.447.149



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	47.447.099.251	63.451.975.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.927.166
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.447.099.251	63.448.048.745
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	30.233.321.482	44.523.481.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.213.777.769	18.924.567.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.223.054.025	524.147.984
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.357.539.000	1.746.163.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.357.539.000</i>	<i>1.746.163.000</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.054.578.367	3.311.212.784
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	6.913.548.850	6.523.800.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.111.165.577	7.867.538.441
11. Thu nhập khác	31		328.565.483	45.808.975
12. Chi phí khác	32		287.632.087	2.232.086
13. Lợi nhuận khác	40		40.933.396	43.576.889
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.152.098.973	7.911.115.330
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	534.997.522	1.185.665.253
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.617.101.451	6.725.450.077
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.3	1.988	2.380
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	1.988	2.380



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.152.098.973	7.911.115.330
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	6.128.976.324	10.101.268.460
Các khoản dự phòng	03	5.7	32.418.902	(887.175.298)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.223.054.025)	(569.602.529)
Chi phí lãi vay	06		1.357.539.000	1.746.163.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.447.979.174	18.301.768.963
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		701.756.270	10.649.575.919
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.076.302.728)	(973.477.185)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.280.442.067	(842.102.097)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.357.539.000)	(1.746.163.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(269.758.658)	(2.191.775.062)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.493.112.000)	(1.548.818.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.233.465.125	21.649.009.538
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.600.000)	(239.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3.300.000.000)	(13.300.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.223.054.025	524.147.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.116.545.975)	(12.969.897.471)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(5.625.000.000)	(5.625.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.800.500.000)	(5.862.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.425.500.000)	(11.487.500.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.308.580.850)	(2.808.387.933)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.905.024.110	13.713.412.043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.1	6.596.443.260	10.905.024.110



Phạm Ngọc Tú
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xi nghiệp Thiết kế xây dựng - một đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3058/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xi nghiệp Thiết kế xây dựng thành công ty cổ phần. Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 29 tháng 05 năm 2018, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 23.450.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	8.442.000.000	36	8.442.000.000	36
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	15.008.000.000	64	15.008.000.000	64
Cộng		23.450.000.000	100	23.450.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 110 (31/12/2019: 113).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công nghiệp;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

3.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.9. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.10. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.11. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

3.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt),...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (liên lương, liên công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch.

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cung cấp nước: 5%;
- Dịch vụ lắp đặt: 10%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	50.616.337	66.208.533
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.245.826.923	7.838.815.577
Các khoản tương đương tiền	4.300.000.000	3.000.000.000
Cộng	6.596.443.260	10.905.024.110

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,6%/năm đến 3,8%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,4%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
– Xem thêm mục 8	3.807.140.877	8.023.453.981
Các khách hàng khác	1.753.600.300	2.216.827.089
Cộng	5.560.741.177	10.240.281.070
Dài hạn:		
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.905.873.020	1.289.881.020
Các khách hàng khác	206.623.052	232.394.328
Cộng	2.112.496.072	1.522.275.348

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn và dài hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn hoặc dài hạn.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.104.846.387	-	60.288.400	-
Tạm ứng	350.000.000	-	77.089.000	-
Phải thu khác	-	-	47.834.096	-
Cộng	3.454.846.387	-	185.211.496	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Nợ kấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.766.887.373	62.267.926	1.741.442.254	69.241.709

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn
Bar Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.289.881.020	Trên 3 năm	1.289.881.020	Trên 3 năm
UBND Phường Long Bình	119.110.879	Trên 3 năm	144.882.155	Trên 3 năm
Công ty TN-H Xây Dựng Duy Tiên	87.512.173	Trên 3 năm	87.512.173	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	270.383.301	Từ 6 tháng đến 3 năm	219.166.906	Từ 6 tháng đến 3 năm
Cộng	1.766.887.373		1.741.442.254	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	864.963.975	-	630.180.597	-
Công cụ, dụng cụ	10.338.000	-	59.841.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.471.233.210	-	580.210.860	-
Cộng	6.346.535.185		1.270.232.457	

Nguyên liệu, vật liệu
Công cụ, dụng cụ
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

16

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND		Máy móc, thiết bị VND		Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND		Thiết bị, dụng cụ quản lý VND		Cộng VND
Nguyên giá:									
Tại ngày 01/01/2020	17.484.423.234		25.501.518.179		56.321.568.003		460.340.999		99.767.850.415
Mua trong năm	-		-		-		37.600.000		37.600.000
Tại ngày 31/12/2020	17.484.423.234		25.501.518.179		56.321.568.003		497.940.999		99.805.450.415
Giá trị hao mòn lũy kế:									
Tại ngày 01/01/2020	14.001.776.434		19.549.917.917		24.295.863.619		351.533.417		58.199.091.387
Khấu hao trong năm	784.732.244		2.007.354.135		3.113.706.471		110.060.916		6.015.853.766
Tại ngày 31/12/2020	14.786.508.678		21.557.272.052		27.409.570.090		461.594.333		64.214.945.153
Giá trị còn lại:									
Tại ngày 01/01/2020	3.482.646.800		5.951.600.262		32.025.704.384		108.807.582		41.568.759.028
Tại ngày 31/12/2020	2.697.914.556		3.944.245.127		28.911.997.913		36.346.666		35.590.505.262

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 25.985.179.842 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.457.024.729 VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	1.010.023.068	1.010.023.068	-	-
Công ty TNHH Ông Gang Cầu Đài Việt	1.003.715.900	1.003.715.900	-	-
CTCP Hawaco Miền Nam	478.500.000	478.500.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	393.812.202	393.812.202	802.754.716	802.754.716
Cộng	2.886.051.170	2.886.051.170	802.754.716	802.754.716

4.9. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	1.790.167.450	-
Công ty TNHH Kinh doanh Bất Động Sản Ngân Hà	1.100.000.000	600.000.000
Các khách hàng khác	252.518.355	8.182.200
Cộng	3.142.685.805	608.182.200

(Xem trang tiếp theo)

3298
T.Đ
C.T.Đ
H.Đ
X.Đ
U.Đ
N.Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	206.092.097	-	1.041.145.561	1.354.585.991	-	107.348.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.236.004	534.997.522	269.758.658	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.000.000	496.004.340	500.804.340	-	7.800.000
Thuế tài nguyên	-	19.312.210	241.353.440	240.242.620	-	18.201.390
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	66.189.930	66.189.930	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	444.308.005	3.857.082.158	3.868.480.773	-	455.706.620
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	206.092.097	474.856.219	6.239.772.951	6.303.062.312	257.002.860	589.056.343

4.11. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Tiền lương	1.118.752.760	1.230.639.760
Tiền thưởng	1.688.075.000	1.438.932.000
Trích dự phòng quỹ tiền lương	1.384.763.791	510.463.572
Cộng	4.191.593.551	3.180.035.332

(Xem trang tiếp theo)

C.T.Đ
H.Đ
X.Đ
U.Đ
N.Đ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000
Vay dài hạn	10.781.250.000	10.781.250.000	-	5.625.000.000	16.406.250.000	16.406.250.000
Cộng	16.406.250.000	16.406.250.000	5.625.000.000	11.250.000.000	22.031.250.000	22.031.250.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay dài hạn đến hạn trả:
Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
VND	7%/năm	5.625.000.000	5.625.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Vay dài hạn:
Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
VND	7%/năm	10.781.250.000	16.406.250.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Hệ thống phân phối nước khu vực 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn;
- Xe tải ben HD601,8 tấn biển số 60C 212 57;
- Xe toyota Zace 8 chỗ, biển số 60A 227 82;
- Xe tải nhẹ KIA biển số 60C 212 62.

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp là 25.985.179.842 VND – Xem thêm mục 4.7.

4.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2020	5.377.738.624
Trích trong năm	1.463.726.513
Chi trong năm	(1.493.112.000)
Tại ngày 31/12/2020	5.348.353.137

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	23.450.000.000	31.510.500	4.180.507.341	15.587.892.607	43.249.910.448
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.725.450.077	6.725.450.077
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.150.840.588	(2.150.840.588)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.163.614.500)	(2.163.614.500)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.862.500.000)	(5.862.500.000)
Tại ngày 01/01/2020	23.450.000.000	31.510.500	6.331.347.929	12.136.387.596	41.949.246.025
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.617.101.451	5.617.101.451
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.008.817.512	(1.008.817.512)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.463.726.513)	(1.463.726.513)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.690.000.000)	(4.690.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	23.450.000.000	31.510.500	7.340.165.441	10.590.945.022	41.412.620.963

(Xem trang tiếp theo)

NGT
PHÂN
HÃY
CẤP
NƯỚC
ĐỒNG
NAI
T.Đ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.345.000	2.345.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.617.101.451 (954.907.247)	6.725.450.077 (1.143.326.513)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.662.194.204	5.582.123.564
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.345.000	2.345.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.988	2.380

4.14.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.617.101.451 (954.907.247)	6.725.450.077 (1.143.326.513)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.662.194.204	5.582.123.564
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.345.000	2.345.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.988	2.380

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/CBTT-DVW ngày 21 tháng 04 năm 2020.

4.14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	6.331.347.929
Trích trong năm	1.008.817.512
Tại ngày 31/12/2020	7.340.165.441

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cấp nước	38.163.268.100	35.412.342.550
Doanh thu hoạt động xây lắp	9.283.831.151	28.039.633.361

Cộng **47.447.099.251** **63.451.975.911**

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8 2.455.472.462 15.187.265.315

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	21.217.721.757	20.781.632.241
Giá vốn hoạt động xây lắp	9.015.599.725	23.741.849.431

Cộng **30.233.321.482** **44.523.481.672**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi phát sinh trong năm.

5.4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.347.574.943	1.822.058.281
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.251.399.404	1.044.769.930
Chi phí khác	455.604.020	444.384.573

Cộng **4.054.578.367** **3.311.212.784**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.662.733.534	3.450.527.385
Chi phí dự phòng	32.418.902	(887.175.298)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.405.037	844.417.017
Chi phí khác	762.991.377	3.116.031.728

Cộng **6.913.548.850** **6.523.800.832**

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.683.057.692	16.948.081.971
Chi phí nhân công	22.584.162.556	21.050.322.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.128.976.324	10.101.268.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.735.048.605	3.881.542.990
Chi phí dự phòng	32.418.902	(887.175.298)
Chi phí khác bằng tiền	1.928.806.970	3.844.665.467

Cộng **46.092.471.049** **54.938.706.148**

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	6.152.098.974	7.911.115.330
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	240.000.000	312.000.000
Trừ: Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	(1.250.722.774)	(3.633.537.200)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh cấp nước	5.141.376.200	4.589.578.130
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cấp nước	514.137.620	458.957.813
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	250.144.554	726.707.440
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	764.282.174	1.185.665.253
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm 30% theo nghị quyết số 116/2020/QH14	(229.284.652)	-

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành **534.997.522** **1.185.665.253**

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(5.625.000.000)	(5.625.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Cung cấp nước sạch
- Dịch vụ lắp đặt

	Cung cấp nước sạch		Dịch vụ lắp đặt		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	38.163.268.100	35.412.342.550	9.283.831.151	28.039.633.361	47.447.099.251	63.451.975.911
Kết quả kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	16.945.546.343	14.630.710.309	268.231.426	4.293.856.764	17.213.777.769	18.924.567.073
Chi phí không phân bổ					10.968.127.217	9.835.013.616
Thu nhập tài chính					1.223.054.025	524.147.984
Chi phí tài chính					1.357.539.000	1.746.163.000
Lợi nhuận khác					40.933.396	43.576.889
Lợi nhuận trước thuế					6.152.098.973	7.911.115.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp					534.997.522	1.185.665.253
Lợi nhuận sau thuế					5.617.101.451	6.725.450.077
Các thông tin khác						

Tổng tài sản của bộ phận
Nợ phải trả không phân bổ

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
	74.927.614.671	77.940.447.149
	33.514.993.708	35.991.201.124

	Cung cấp nước sạch		Dịch vụ lắp đặt		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	37.600.000	-	-	239.500.000	37.600.000	239.500.000
Chi phí khấu hao trong kỳ	5.801.932.101	9.699.852.637	327.044.223	401.415.823	6.128.976.324	10.101.268.460

18879
CÔNG
TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VÀ
XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI

26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	3.807.140.877	8.023.453.981
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	24.112.760	60.281.849
Phải trả ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(293.508.224)	(293.508.224)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	2.456.921.462	15.187.265.315

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng:			
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai		39.348.466	688.520.645
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:			
Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	274.080.000	-
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	96.000.000	173.000.000
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên (Đỗ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	56.000.000	-
Ông Đặng Trọng Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2020)	83.000.000	141.000.000
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên/Phó Giám đốc	659.800.000	622.560.000
Ông Phạm Văn Hội	Nguyên Giám đốc	80.200.000	517.037.000
Ông Phạm Ngọc Tú	Giám đốc	567.840.000	218.640.000
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2020)	320.280.000	516.260.000
Ông Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	476.800.000	435.460.000
Cộng		2.614.000.000	2.623.957.000

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	487.400.000	450.784.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 02 tháng 04 năm 2021
Xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc

Phạm Ngọc Tú



Địa chỉ: Số 52, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai



Số điện thoại: (84.251) 3 847 241
Số fax: (84.251) 3 840 797



Website: www.dvxdcn.com